

**BỘ XÂY DỰNG  
TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18  
NĂM 2014**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015*

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
<b>I- THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>1</b>
1- Thông tin khái quát	1
2- Quá trình hình thành và phát triển	1-2
3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4- Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2-4
5- Định hướng phát triển	4-6
6- Các rủi ro	6-7
<b>II- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>7</b>
1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2- Tổ chức nhân sự	8-11
3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	11-12
4- Tình hình tài chính	13-14
5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
<b>III- BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>15</b>
1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	15-15
2- Tình hình tài chính	15-17
<b>IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>17</b>
1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty	17-18
2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc công ty	18-19
3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	19
<b>V- QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>19</b>
1- Hội đồng quản trị	19-21
2- Ban kiểm soát	21-22
3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, Ban giám đốc	22-23
<b>VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>24</b>
1- Ý kiến của kiểm toán	24
2- Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán gồm 35 trang đính kèm	

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**  
Năm báo cáo 2014

## I. Thông tin chung

### 1- Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18 - (LILAMA 18 JSC)**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0300390921**
- Vốn điều lệ: **80.500.000.000** đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **80.500.000.000** đồng
- Địa chỉ: **Số 9-19 Hồ Tùng Mậu - P Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Tp Hồ Chí Minh**
- Số điện thoại: **08.38298490 – 08.38217474**
- Số fax: **08.38210853**
- Website: **www.lilama18.com.vn**
- Mã cổ phiếu: **LM8**

### 2- Quá trình hình thành và phát triển

#### - Quá trình hình thành và phát triển:

- ❖ Việc thành lập: Công ty cổ phần Lilama 18 tiền thân là Xí nghiệp Lắp máy 8 được thành lập theo Quyết định số 66/BXD-TCCB ngày 06/4/1977 của Bộ Xây dựng; Ngày 21/01/1982 được đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy 18 thuộc Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy (nay là Tổng công ty Lắp máy Việt Nam) theo Quyết định số 98/BXD-TCCB của Bộ Xây dựng; Ngày 27/01/1993 thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước: Xí nghiệp Lắp máy số 18 theo Quyết định số 005/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng; Ngày 02/01/1996 được đổi tên doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Liên hợp Lắp máy số 18 thành Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 theo Quyết định số 05/BXD-TCLĐ của Bộ Xây dựng; Ngày 11/12/2006 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 được chuyển thành Công ty cổ phần Lilama 18 theo Quyết định số 1673/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.
- ❖ Ra đời từ năm 1977, Công ty cổ phần Lilama 18 là một trong những thành viên mạnh của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam. Sau 35 năm hình thành và không ngừng phát triển, Lilama 18 đã tạo được một chỗ đứng vững vàng trong ngành Lắp đặt và gia công chế tạo Thiết bị ở Việt Nam, được các đối tác trong và ngoài nước tín nhiệm qua bề dày kinh nghiệm, với uy tín và chất lượng cao sau hàng loạt các công trình đã hoàn thành trong các lĩnh vực sau: Xây lắp các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, Lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình. Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, oxy, phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng. Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt thiết bị và bảo trì thang máy. Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ. Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, bến cảng, sân bay). Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động,

kiểm tra mối hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp. Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản. kinh doanh lữ hành nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).

- ❖ **Chuyển đổi sở hữu công ty:** Từ ngày 04/01/2007 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 18 chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, đổi tên thành Công ty cổ phần Lilama 18. (Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04 tháng 01 năm 2007; số 0300390921 đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26 tháng 6 năm 2010).
- ❖ **Niêm yết:** Ngày 05 tháng 11 năm 2010 Công ty nhận được Quyết định số 237/2010/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu; Ngày 15 tháng 11 năm 2010 Công ty chính thức giao dịch **8.050.000** cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch **LM8**.

**- Các sự kiện khác:**

- ❖ Ngày 06 tháng 02 năm 2010 tại thành phố Hồ Chí Minh, công ty vinh dự đón nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 do tổ chức đảm bảo chất lượng Lloyd's Register Quality Assurance (LRQA) cấp. Để đạt được chứng chỉ ISO 9001:2008 Lilama 18 đã xây dựng và chuẩn hóa hệ thống các quy trình tác nghiệp được thực hiện thống nhất trong toàn công ty. Bên cạnh đó, việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm dịch vụ, Lilama 18 không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, đo lường sự thỏa mãn của khách hàng đối với sản phẩm dịch vụ, đáp ứng đúng yêu cầu về cải tiến của ISO 9001:2008. Sau khi nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 trong hoạt động quản lý chất lượng, Lilama 18 sẽ tiếp tục mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống quản lý chất lượng sang các lĩnh vực hoạt động khác. Từ đó, Lilama 18 tạo động lực để phát triển ngày càng lớn mạnh và bền vững.
- ❖ Ngoài ra công ty còn nhận được các chứng chỉ: U; U2; S của tổ chức Hiệp hội kỹ sư cơ khí Hoa Kỳ (ASME) cấp ngày 26/10/2010 và các chứng chỉ như: NB; R của tổ chức National Board cấp trong tháng 10 năm 2010. Các chứng chỉ này là sự bảo đảm cho công việc: Gia công, chế tạo thiết bị cơ khí, sửa chữa thiết bị và xuất khẩu thiết bị chịu áp lực cao.

**3- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: Lắp đặt thiết bị, gia công chế tạo và bảo trì bảo dưỡng thiết bị.
- Địa bàn kinh doanh: Các tỉnh thành trong nước và Quốc tế.

**4- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**a- Mô hình quản trị:** Công ty cổ phần Lilama 18 thực hiện mô hình quản trị của một công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- ❖ Đại hội đồng cổ đông công ty;
- ❖ Hội đồng quản trị;
- ❖ Ban kiểm soát;
- ❖ Ban tổng giám đốc;
- ❖ Các cán bộ quản lý.

**b- Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty cổ phần Lilama 18 đến ngày 31/12/2014 gồm: Ban Tổng giám đốc; 08 phòng ban; 04 chi nhánh và 08 Đội công trình trực thuộc cụ thể như sau:

- ❖ Ban tổng giám đốc;
- ❖ Phòng Tổ chức - Hành chính;
- ❖ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật;
- ❖ Phòng Tài chính - Kế toán;
- ❖ Phòng Cung ứng - Vật tư;
- ❖ Phòng Quản lý máy;
- ❖ Ban Quản lý chất lượng;
- ❖ Ban Quản lý dự án;
- ❖ Ban An toàn lao động và phòng chống cháy nổ.
- ❖ Chi nhánh tại Vũng Tàu;
- ❖ Chi nhánh tại Bình Dương;
- ❖ Chi nhánh tại Kiên Giang;
- ❖ Chi nhánh tại Cambodia;
- ❖ 08 Đội công trình trực thuộc.

**- Các công ty con, công ty liên kết:**

+) Danh sách các công ty liên kết:

Đơn vị: Ngân đồng

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Nghành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu của Lilama 18
1	Công ty TNHH kết cấu thép toàn cầu Vina-Japan	Số 26 VSIP II đường số 7-KCN Việt Nam - Singapore II, khu liên hợp công nghiệp - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các loại kết cấu thép dùng trong xây dựng, sản xuất các loại nguyên liệu kết hợp dùng trong xây dựng.	50.236.500	15%
2	Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyards)	65A2 Đường 30/4, phường Thới Nhất, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa -	Tư vấn thiết kế, quản lý dự án xây dựng công trình biển - dầu khí, lắp đặt thiết bị dầu khí, hệ thống điện và tự	594.897.870	3,02%

		Vũng Tàu	động công trình dầu khí. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình khai thác dầu, khí đốt và tuyến ống dẫn khí, dầu,..., cho thuê phương tiện, vận chuyển, nâng hạ, cầu các loại.		
--	--	----------	---	--	--

## 5- Định hướng phát triển:

### a- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Nhận định chung: Kinh tế thế giới đã khởi sắc, nhưng đã tốc độ phục hồi vẫn còn chậm và ở mức thấp. Vì vậy, khả năng thu hút vốn để thực hiện các dự án tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Sau quá trình tái cấu trúc, nhiều doanh nghiệp sẽ bị đào thải, nhưng cũng sẽ xuất hiện nhiều doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ. Cuộc cạnh tranh thị phần đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ tiếp tục diễn ra ngày càng gay gắt và quyết liệt.

Vấn đề nguồn nhân lực, tài chính và máy móc thiết bị thi công vẫn là rào cản rất lớn đối với quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Lilama 18.

➢ **Mục tiêu:** Kiên trì thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2012-2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 thông qua, đó là:

❖ **Mục tiêu tổng quát:** Lấy mục tiêu ổn định làm gốc để phát triển công ty; Tăng cường quản trị doanh nghiệp để đạt được sự phát triển bền vững.

#### ❖ **Mục tiêu cụ thể:**

- **Mục tiêu thị trường, sản phẩm:** Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo; cung cấp dịch vụ Lắp đặt thiết bị và bảo trì bảo dưỡng thiết bị là chủ yếu, chủ động nghiên cứu và chiếm lĩnh một số thị trường mới.
- **Mục tiêu Tài chính:** Phát triển huy động vốn cổ phần, đảm bảo mức lợi nhuận để tái đầu tư và phát triển, có mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư phát triển.
- **Mục tiêu con người:** Con người luôn là chìa khóa cho mọi cánh cửa phát triển và thành công. Do đó, mục tiêu về con người ngoài đào tạo quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cần phải giáo dục phẩm chất, đạo đức trong kinh doanh, có tâm huyết và trung thành với công ty.
- **Mục tiêu về đấu thầu:** Tùy đặc điểm cụ thể của từng gói thầu mà đẩy mạnh chiến lược theo hướng ưu thế về giá, ưu thế về công nghệ, ưu thế về tài chính hay ưu thế về thương hiệu đã có của doanh nghiệp.
- **Sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.**
- **Nâng cao giá trị của công ty, đảm bảo quyền lợi của cổ đông cũng như thu nhập của người lao động trong công ty được tăng trưởng hàng năm.**

- Sản phẩm của công ty luôn được khách hàng tin tưởng và tín nhiệm ngày càng cao.

**b- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Tái cấu trúc nguồn lực phù hợp với từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đã đề ra;
- Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro;
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn phù hợp với nhu cầu vốn cho mục tiêu phát triển từng giai đoạn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn có hiệu quả;
- Nghiên cứu từng bước để mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh dưới các hình thức như liên doanh, hợp tác đầu tư thành lập thêm các chi nhánh tại các vùng miền khác nhau đặc biệt là các tỉnh phía Bắc nhằm tận dụng các lợi thế cơ sở hạ tầng như mặt bằng, máy móc thiết bị, văn phòng tạm của các dự án mà công ty đang thực hiện nhằm giảm thiểu chi phí đầu tư tăng lợi nhuận để thúc đẩy phát triển.
- Về thị trường: Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như điện, xi măng, dầu khí, hóa chất, các sản phẩm đầu vào khác. Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp miễn cơ việc làm, có doanh thu và có lợi nhuận;
- Về sản phẩm: Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của Lilama 18, kiểm soát chặt chẽ công tác giao khoán sản phẩm nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, tăng giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng cao.
- Về tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, phát huy dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn: Bảo lãnh, tín chấp, thế chấp tài sản, ...; Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư; phối hợp đồng bộ trong công tác thi công, nghiệm thu, thu hồi vốn nhằm tăng vòng quay đồng vốn giảm thiểu vốn vay các tổ chức tín dụng để tăng lợi nhuận cho công ty.
- Về đấu thầu: Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, củng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện tốt các thảo thuận giữa khách hàng với công ty. Tối ưu hóa các lợi thế về thương hiệu, trình độ điều hành quản lý, nhà xưởng máy móc thiết bị thi công, nguồn nhân lực có tay nghề cao và tiềm lực tài chính hiện có vào quá trình báo giá đấu thầu. Nắm bắt xử lý linh hoạt kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến công tác báo giá đấu thầu đảm bảo đạt hiệu quả trúng thầu cao nhất.
- Về nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án; thực hiện tốt công tác tuyển dụng đào tạo, bố trí sử dụng và đãi ngộ đối với từng chức danh, vị trí, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và lao động giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với công ty. Thực hiện nghiêm túc việc khoán sản phẩm tới tổ sản xuất nhằm tối đa khả năng sáng tạo trong lao động sản xuất của cán bộ công nhân viên, kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.

**c- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.**

- Phấn đấu để trở thành một trong những công ty hàng đầu của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam về: Lắp đặt thiết bị cơ và điện; gia công chế tạo thiết bị cơ khí; Bảo trì bảo dưỡng các nhà máy.
- Mang đến cho khách hàng sự trân trọng của tình nghĩa bạn bè qua việc thực hiện những cam kết trong kinh doanh.
- Tôn trọng và hợp tác với đối tác với tiêu chí đôi bên cùng có lợi.
- Chăm sóc và đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng.
- Trung thực và giữ lời hứa với khách hàng và cộng sự.
- Trách nhiệm, hỗ trợ và cởi mở trong quan hệ với đồng nghiệp.
- Lấy hiệu quả của công việc làm thước đo trong mọi hoạt động.
- Lilama 18 cam kết cung cấp dịch vụ gia công, chế tạo lắp đặt sản phẩm chất lượng tốt nhất thông qua việc đảm bảo quy trình phù hợp, đáp ứng tiêu chuẩn cao và ứng dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có thời gian sử dụng lâu dài.
- Lilama 18 thông qua việc luôn lắng nghe ý kiến của khách hàng, tăng cường năng lực của ban lãnh đạo và nhân viên, đẩy mạnh mối quan hệ chiến lược với khách hàng để mang đến sự phát triển bền vững cho công ty, cho cổ đông và người lao động trong toàn công ty.

#### 6- Các rủi ro:

##### a- Rủi ro về mặt pháp luật:

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên Thị trường Chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường,...,vv. Trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước có thay đổi liên quan đến ngành Xây - Lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi chế độ chính sách của các cơ quan chức năng không kịp thời đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

##### b- Rủi ro đặc thù ngành:

Đặc thù hoạt động của ngành Xây - Lắp nói chung là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn. Hơn nữa lĩnh vực Lắp đặt thiết bị rất phức tạp, điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như Lắp đặt các nhà máy Nhiệt điện, nhà máy xi măng, các giàn khoan ngoài biển... Ngành Lắp máy thực hiện phải mất chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp thiết bị của chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo giãn tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí của doanh nghiệp.

Điều kiện thi công ngoài trời, vừa thi công trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra các tai nạn và sự cố trong lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động, độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, công ty quan tâm đặc biệt tới chế độ trang bị an toàn và bảo hộ lao động, đáp ứng đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện việc lập đầy đủ các phương án, biện pháp kỹ thuật an toàn trước lúc triển khai thi công. Đồng thời tổ chức cán giám sát kỹ thuật an toàn đầy đủ và thực hiện tốt mạng lưới an toàn có hệ thống nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất về sự cố hoặc tai



nạn lao động xảy ra khi thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công công ty thực hiện mua bảo hiểm cho từng công trình cũng như từng xe máy, thiết bị thi công.

Trên cơ sở của tiến độ thi công công trình của từng công trình, của từng hợp đồng nhận thầu xây lắp và mức độ trọng yếu của từng công trình để lựa chọn thời gian mua vật tư, nguyên liệu phục vụ thi công theo thời gian do giá cả biến động, hạn chế tối đa hàng tồn kho dự trữ chờ thi công dài ngày, tăng cường công tác tiết kiệm, hạn chế tối thiểu hao hụt vật tư, nguyên nhiên liệu, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

Thời gian quyết toán, thu hồi vốn các công trình xây - lắp đã hoàn thành thường bị kéo dài cũng tác động rất lớn tới hiệu sản xuất kinh doanh của công ty. Để giảm bớt rủi ro này, công ty thường xuyên đôn đốc khách hàng thanh toán đúng hạn đối với các hợp đồng nhận thầu xây - lắp đã hoàn thành.

**c- Rủi ro về thị trường:** Nước ta gia nhập tổ chức thương mại Quốc tế WTO sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như nhiều thách thức đòi hỏi ngành Lắp máy trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển phải phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ Quốc tế.

Việc mở cửa thị trường sẽ tạo ra áp lực cạnh tranh gay gắt cho tất cả các doanh nghiệp hiện đang hoạt động trong lĩnh vực xây - lắp nói chung và ngành Lắp máy nói riêng. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh và phương pháp quản lý khoa học sẽ là những đối thủ cạnh tranh thực sự đối với các doanh nghiệp trong nước.

**d- Rủi ro khác:** Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như làm chậm tiến độ, gây thiệt hại đến các công trình, hạng mục công trình đang thi công.

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	So sánh (%)	
				TH-2014/ TH-2013	TH2014/ KH2014
1- Tổng doanh thu	1.307.388	801.794	1.423.165	108,85%	177,50%
2- Lợi nhuận thực hiện trước thuế	54.687	38.810	62.773	114,78%	161,74%

Năm 2014 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, công ty đã chủ động vượt qua trở ngại, giữ vững được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, cố gắng cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Cụ thể, Tổng doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra lần lượt là: 77,50% và 61,74%. Doanh thu và lợi nhuận năm 2014 tăng hơn so với năm 2013 lần lượt là: 8,85% và 14,78%. Với các nguyên nhân chủ yếu như sau:

Công tác nghiệm thu, quyết toán, thanh toán và thu hồi vốn tương đối tốt tuy nhiên một số công trình do chủ đầu tư khó khăn về tài chính nên thanh toán chậm dẫn đến tăng chi phí lãi vay. Khoản hoàn nhập dự phòng không điều chỉnh giảm chi phí mà hạch toán vào thu nhập khác nên Lợi nhuận khác tăng cao:

Chi phí lãi vay trực tiếp tăng: 58,05% so với năm 2013 (41,8 tỷ so với 26,4 tỷ)  
 Lợi nhuận khác tăng 18,9 tỷ so với năm 2013 (39,7 tỷ so với 20,8 tỷ).

## 2- Tổ chức và nhân sự:

### a- Danh sách Ban điều hành:

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
1	<p><b>Ông Lê Quốc Ân</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu + Đại diện phần vốn nhà nước + Cá nhân</li> </ul>	<p>Nam</p> <p>29-07-1970</p> <p>Quảng Trị</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư kỹ thuật nhiệt và máy lạnh</p> <p>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc</p> <p>Không</p> <p>1.718.857 CP, chiếm 21,352% VDL          1.690.500 CP, chiếm 21,000% VDL          28.357 CP, chiếm 0,352% VDL</p>
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Trần Sỹ Quỳnh</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu + Đại diện phần vốn nhà nước + Cá nhân</li> </ul>	<p>Nam</p> <p>04/12/1974</p> <p>Thái Nguyên</p> <p>Việt Nam</p> <p>Kỹ sư điện</p> <p>Phó tổng giám đốc - Thành viên HĐQT</p> <p>Không</p> <p>1.228.863 CP, chiếm 15,265% VDL          1.207.500 CP, chiếm 15,000% VDL          21.363 CP, chiếm 0,265% VDL</p>
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Phạm Văn Vân</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<p>Nam</p> <p>04/09/1957</p> <p>Nghệ An</p> <p>Việt Nam</p> <p>Cử nhân luật</p> <p>Phó tổng giám đốc –</p> <p>Không</p> <p>20.635 CP, chiếm 0,256% VDL</p>

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Đặng Quốc Anh</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>01/12/1955</li> <li>Quảng Bình</li> <li>Việt Nam</li> <li>Kỹ sư cơ khí chế tạo máy</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>HĐTVCty TNHH KCT Toàn Cầu</li> <li>5.250 CP, chiếm 0,0652% VDL</li> </ul>
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Vũ Minh Tuấn</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>04/12/1954</li> <li>Nam Định</li> <li>Việt Nam</li> <li>Kỹ sư cơ khí chế tạo máy</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>Không</li> <li>6.789 CP, chiếm 0,084% VDL</li> </ul>
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Phan Văn Nam</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>13/10/1964</li> <li>Hà Tĩnh</li> <li>Việt Nam</li> <li>Kỹ sư công nghệ hàn</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>Không</li> <li>3.623 CP, chiếm 0,045% VDL</li> </ul>
7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Ngô Văn Phùng</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>14/02/1964</li> <li>Nghệ An</li> <li>Việt Nam</li> <li>Cử nhân Tài chính - Kế toán</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>Không</li> <li>36.852 CP, chiếm 0,458% VDL</li> </ul>

TT	Danh sách lý lịch tóm tắt	Thông tin
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Trần Văn Tiến</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>28/01/1967</li> <li>Vĩnh Phúc</li> <li>Việt Nam</li> <li>Kỹ sư cơ khí chế tạo máy</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>Không</li> <li>20.758 CP, chiếm 0,2578% VDL</li> </ul>
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Nguyễn Duy Lợi</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>28/12/1972</li> <li>Đà Nẵng</li> <li>Việt Nam</li> <li>Kỹ sư nhiệt kỹ thuật và máy lạnh</li> <li>Phó tổng giám đốc</li> <li>Giám đốc BQLDA n/m điện Vũng Áng</li> <li>6.903 CP, chiếm 0,085% VDL</li> </ul>
10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông <b>Trần Quốc Toàn</b></li> <li>- Giới tính:</li> <li>- Ngày tháng năm sinh:</li> <li>- Nơi sinh:</li> <li>- Quốc tịch</li> <li>- Trình độ chuyên môn:</li> <li>- Chức vụ công tác tại công ty:</li> <li>- Chức vụ công tác tại tổ chức khác:</li> <li>- Số cổ phiếu sở hữu, tỷ lệ sở hữu</li> <li>+ Đại diện phần vốn nhà nước</li> <li>+ Cá nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nam</li> <li>23/04/1975</li> <li>Lạng Sơn</li> <li>Việt Nam</li> <li>Cử nhân Tài chính - Tín dụng</li> <li>Kế toán trưởng - Thành viên HĐQT</li> <li>Không</li> <li>1.266.960 CP, chiếm 15,738% VDL</li> <li>1.207.500 CP, chiếm 15,000% VDL</li> <li>59.460 CP chiếm 0,738% VDL</li> </ul>

**b- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2014 có sự thay đổi như sau:**

- Miễn nhiệm 01 chức danh Phó tổng giám đốc công ty đối với ông: Vũ Minh Tuấn để nghỉ hưu kể từ ngày 01/01/2015 .

**c- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

➤ Tình hình lao động: Số lao động đến ngày 31/12/2014

TT	Diễn giải	Năm 2013	Năm 2014	Tăng - giảm
1	Lao động phổ thông	117	143	+22,22%
2	Công nhân kỹ thuật	3.149	3.407	+8,19%
3	Trung cấp	33	32	-3,00%
3	Cao đẳng	15	16	+6,66%
4	Đại học	382	424	+10,99%
5	Trên đại học	02	02	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.698</b>	<b>4.024</b>	<b>8,81%</b>

➤ Chính sách người lao động:

▪ Thu nhập của bình quân của người lao động:

Diễn giải	Năm 2013	Năm 2014	Tăng - giảm
Tổng số lao động bình quân	3.698	3.934	6,38%
Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	6.808.126	7.806.139	14,66%

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2014 đạt 7.806.139 đồng/ng/tháng tăng hơn năm trước 14,66%.
- Công ty đã áp dụng quy chế tiền lương để thực hiện chính sách trả lương cho người lao động dựa vào sự đóng góp của người lao động đối với công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động nhằm đem lại thu nhập ngày càng cao hơn. Việc chi trả lương cho người lao động đúng thời gian quy định mỗi tháng trả lương 1 kỳ vào thời gian từ ngày 5 đến ngày 10 của tháng tiếp theo.
- Các chính sách bổ sung tiền lương nhân dịp lễ, tết, thưởng thi đua lao động sản xuất, tiền ăn ca cho người lao động được công ty thực hiện đầy đủ nhằm khuyến khích người lao động yên tâm công tác.
- Các chế độ về chính sách về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các trang thiết bị an toàn và bảo hộ lao động cũng như đào tạo hướng dẫn về an toàn lao động được công ty đáp ứng đầy đủ cho người lao động.

**3- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**a- Các khoản đầu tư lớn:** Nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh năm 2014 và chiến lược phát triển của Lilama 18 những năm tiếp theo. Trong năm 2014, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã phê duyệt tổng mức đầu tư mua sắm thiết bị thi công là: **50.000.000.000** đồng. Và trong năm 2014 Công ty đã thực hiện việc đầu tư mua sắm máy móc thiết bị thi công trong năm là: **50.229.540.798** đồng.

**b- Các công ty liên kết:** Công ty có 02 công ty liên kết:

**+) Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan:** Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan hoạt động với ngành nghề: Sản xuất và gia công sản xuất các loại kết cấu thép dùng trong xây dựng. Thời gian hoạt động 47 năm kể từ năm 2008. Vốn điều lệ 3.130.000 Đô la Mỹ;

tương đương 50.236.500.000 VNĐ, trong đó Lilama 18 góp 15% vốn điều lệ. Tình hình tài chính:

Đơn vị: Ngân đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	61.909.349	76.433.707	23,46%
Doanh thu thuần	39.039.372	52.521.476	34,53%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-14.353.379	9.420.408	165,63%
Lợi nhuận khác	18.390	88.957	483,72%
Lợi nhuận trước thuế	-14.334.989	9.509.365	166,33%
Lợi nhuận sau thuế	-14.334.989	9.509.365	166,33%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

Để đảm bảo an toàn tài chính của phần vốn góp tại Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina - Japan, Công ty đã lập dự phòng vào chi phí đến 31/12/2014 là: 4.684.923.477 đồng; Công ty đang có phương án thoái vốn tại Công ty TNHH Kết cấu thép Toàn Cầu Vina – Japan lộ trình đến hết niên độ 2015.

+) **Tóm tắt hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí (PV Shipyard):** Công ty Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí hoạt động với ngành nghề chính là: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải các loại giàn khoan, giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, phương tiện nổi và các thiết bị liên quan. Thời gian hoạt động là 50 năm kể từ năm 2007. Vốn điều lệ là: 594.897.870.000 đồng, trong đó Lilama 18 góp vốn là 18.000.000.000 đồng tương ứng với 3,03% vốn điều lệ. Tình hình tài chính

Đơn vị: Ngân đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.879.098.482	2.553.654.341	35,89%
Doanh thu thuần	265.633.986	1.047.452.322	394,32%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-79.526.443	35.052.117	144,07%
Lợi nhuận khác	-126.872.465	-11.914.085	-9,39%
Lợi nhuận trước thuế	-206.398.909	23.138.032	111,21%
Lợi nhuận sau thuế	-209.135.193	20.197.665	109,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

Trong năm 2014 theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 dự kiến chia không chia cổ tức vì cuối năm 2013 còn lỗ lũy kế, trong năm 2014 công ty đã có việc làm có việc làm, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 về tổng doanh đạt 1.067,78 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 23,14 tỷ đồng và lợi nhuận năm 2014 công ty đang chuyển lỗ. Trong năm 2014 thi công ty đã ký được Hợp đồng giao nhận thầu với giá trị lớn và thời gian thi công gần 3 năm, đây cũng là triển vọng phát triển của công ty.

Để đảm bảo an toàn tài chính của việc góp vốn tại công ty cổ phần PV Shipyard Công ty đã trích lập dự phòng vào chi phí đến 31/12/2014 là 6.555.380.774 đồng.

Tuy nhiên Công ty cổ phần Lilama 18 cũng đang có kế hoạch thoái vốn tại Công ty chế tạo dàn khoan dầu khí lộ trình đến hết niên độ 2015.

#### 4- Tình hình tài chính

##### a- Tình hình tài chính:

Đơn vị: Ngân đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.293.527.792	1.434.131.632	10,87%
Doanh thu thuần	1.277.116.721	1.376.610.561	7,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	42.120.841	31.609.573	-24,95%
Lợi nhuận khác	12.566.109	31.163.134	247,99%
Lợi nhuận trước thuế	54.686.950	62.772.707	14,78%
Lợi nhuận sau thuế	41.107.790	48.746.074	18,58%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	29,37%	29,72%	0,03%

(\*) Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức: Cổ tức năm 2014 kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua là 15%/vốn điều lệ và đã chi trả tạm ứng trong tháng 02 năm 2015 là 10%/vốn điều lệ chiếm 16,51% lợi nhuận sau thuế. Năm 2014 dự kiến chi trả cổ tức là 18%/vốn điều lệ chiếm 29,72% lợi nhuận sau thuế.

##### a- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,07	1,06	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,48	0,44	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	85,83	85,18	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,05	5,74	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	2,11 Lần	1,92 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,987	0,958	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,22%	3,55%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	21,74%	22,93%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,18%	3,40%	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	3,30%	2,30%	

**5- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu****a- Cổ phần tại ngày 31/12/2014:**

- Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 8.050.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu phổ thông: 8.050.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu ưu đãi, khác: Không
- + Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 8.050.000 cổ phiếu
- + Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: Không
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**b- Cơ cấu cổ đông:**

- Thông tin chung về cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt ngày 15-01-2015

TT	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>911</b>	<b>7.684.090</b>	<b>95,4545%</b>
1	Nhà nước	01	4.105.500	51,000%
2	Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.	14	254.731	3,1643%
3	Cá nhân	886	2.777.630	34,5047%
4	Tổ chức	10	546.229	6,7855%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>14</b>	<b>365.910</b>	<b>4,5455%</b>
1	Cá nhân	13	361.560	4,4914%
2	Tổ chức	01	4.350	0,0541%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>925</b>	<b>8.050.000</b>	<b>100,00%</b>

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Lắp máy Việt Nam (cổ đông nhà nước)	Số 124 Minh Khai Hai Bà Trưng - Hà Nội	4.105.500	51,000%
2	Công ty TNHH chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	Tầng 17, Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, HK, Hà Nội	506.810	6,296%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>4.612.310</b>	<b>57,296%</b>

b- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có thay đổi.

c- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

d- Các chứng khoán khác: Không có.



## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

## 1- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	So sánh (%)	
				TH-2014/ TH-2013	TH2014/ KH2014
1- Tổng doanh thu	1.307.388	801.794	1.423.165	108,85%	177,50%
2- Lợi nhuận thực hiện trước thuế	54.687	38.810	62.773	114,78%	161,74%

Năm 2014 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, nhưng với một định hướng kinh doanh đúng đắn và rõ ràng, công ty đã chủ động vượt qua trở ngại, giữ vững được hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ công ăn việc làm cũng như thu nhập cho người lao động, cố gắng cho nhà đầu tư đúng kế hoạch cũng như thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Tổng doanh thu và lợi nhuận đều vượt so với kế hoạch đề ra lần lượt là: 77,50% và 61,74%. Doanh thu và lợi nhuận năm 2014 tăng hơn so với năm 2013 lần lượt là: 8,85% và 14,78%. Với các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Công tác nghiệm thu, quyết toán, thanh toán và thu hồi vốn tương đối tốt tuy nhiên một số công trình do chủ đầu tư khó khăn về tài chính thanh toán chậm nên dẫn đến tăng chi phí lãi vay. Cụ thể chi phí lãi vay trực tiếp tăng: 58,05% so với năm 2013 (41,8 tỷ so với 26,4 tỷ)

- Khoản hoàn nhập dự phòng không điều chỉnh giảm chi phí mà hạch toán vào thu nhập khác nên khoản thu nhập khác tăng cao: Cụ thể thu nhập khác tăng 18,9 tỷ so với năm 2013 (39,7 tỷ so với 20,8 tỷ).

- Chênh lệch TG đã thực hiện tăng: 28,75% so với năm 2013 (3,1 tỷ so với 2,4 tỷ)

- Chi phí QLDN tăng 16,18% so với năm 2013 (48,1 tỷ so với 41,4 tỷ)

- Lợi nhuận khác tăng 18,6 tỷ so với năm 2013 (31,1 tỷ so với 12,5 tỷ).

## 2- Tình hình tài chính:

## a- Tình hình tài sản:

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>1.217.144</b>	<b>1.085.733</b>	<b>131.411</b>	<b>12,10%</b>
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	175.945	207.747	-31.802	-15,30%
2- Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	8.000	0	8.000	
3- Các khoản phải thu ngắn hạn	297.469	245.853	51.616	20,99%
4- Hàng tồn kho	708.992	599.488	109.504	18,26%
5- Tài sản ngắn hạn khác	26.738	32.645	-5.907	-18,09%

<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>216.987</b>	<b>207.794</b>	<b>9.193</b>	<b>4,42%</b>
1- Tài sản cố định	158.964	138.223	20.741	15,00%
2- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.295	15.798	-1.503	-9,51%
3- Tài sản dài hạn khác	43.728	53.773	-10.045	18,68%
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.434.131</b>	<b>1.293.527</b>	<b>140.604</b>	<b>10,87%</b>

- Tổng tài sản cuối năm so với đầu tăng 10,87% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể: Tiền mặt giảm 31,80 tỷ do thanh toán nợ cho khách hàng của công ty; khoản phải thu tăng 51,61 tỷ do phát hành hóa đơn doanh thu vào các tháng cuối năm tăng dẫn đến công nợ trong năm của công ty tăng;

- Hàng tồn kho tăng 109,54 tỷ do trong năm sản lượng thực hiện tăng và do mua thêm nguyên vật liệu nhập kho nhưng chủ yếu là chi phí sản xuất dở dang tăng tương ứng với khối lượng thực hiện dở dang; tài sản ngắn hạn giảm 5,90 tỷ do thanh toán tiền vật tư cho các khách hàng.

- Tài sản dài hạn tăng 4,42% do mua sắm tài sản cố định tăng 20,74 tỷ để đảm bảo nhu cầu phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2014 (doanh thu tăng 8,85% so với năm 2013) và để phục vụ cho các năm tiếp theo đây là những tín hiệu tốt trong hoạt động SXKD của công ty. Khoản đầu tư tài chính giảm 1,53 tỷ do công ty lập dự phòng giảm giá của khoản đầu tư dài hạn; tài sản dài hạn khác giảm 10,045 tỷ do kết chuyển chi phí chờ phân bổ công cụ dụng hình thành từ TSCĐ không đủ điều kiện vào chi phí SXKD trong kỳ.

#### c- Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.221.544</b>	<b>1.110.263</b>	<b>111.281</b>	<b>10,02%</b>
1- Nợ ngắn hạn	1.144.841	1.013.758	131.083	12,93%
2- Nợ dài hạn	76.703	96.505	-19.802	-20,52%
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>212.587</b>	<b>183.264</b>	<b>29.323</b>	<b>16,00%</b>
1- Vốn chủ sở hữu	212.587	183.264	29.323	16,00%
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.434.131</b>	<b>1.293.527</b>	<b>140.604</b>	<b>10,87%</b>

- Nợ phải trả của công ty cuối năm tăng 111,28 tỷ tương đương 10,02% tương ứng với việc vốn chủ sở hữu tăng.

- Cơ cấu nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu so với năm trước cụ thể năm trước: Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2013 là 6,05 lần năm nay hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm nay là 5,74 lần hệ số này thể hiện chiều hướng tốt của doanh nghiệp. Mặt khác khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản nợ khách hàng ứng trước 297,70 tỷ chiếm 24,37% trong tổng nợ phải trả đây cũng là yếu tố thuận lợi cho vấn đề giảm chi phí lãi vay tăng lợi nhuận cho công ty. Khoản vay và nợ ngắn hạn tại các Ngân hàng thương mại 574,21 tỷ chiếm 47,00% trong tổng nợ phải trả, với doanh thu hoạt động SXKD năm 2014 đạt 1.376,61 tỷ đồng đây cũng là một chỉ tiêu tài chính tương đối tốt. Tuy nhiên để giảm thiểu rủi ro do phải phụ thuộc và nguồn vốn vay từ các Ngân hàng công ty cần phải tích cực hơn nữa trong công tác thu hồi

vốn; tiếp tục tích lũy bổ sung thêm nguồn vốn chủ sở hữu dưới hình thức tích lũy một phần lợi nhuận để đầu tư phát triển, vận dụng triệt để các nguồn vốn khác như ứng trước khách hàng, phát hành thêm chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi,...) nhằm đảm bảo an toàn và chủ động nguồn vốn hơn cho việc ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (khả năng thanh toán hiện hành) của công ty năm nay 1,06 lần giảm hơn so với năm 2013 ( năm 2013 là 1,07 lần), cho thấy mức độ an toàn đối với hoạt động của công ty. Tuy nhiên hiện nay các khoản nợ của công ty luôn được thanh toán đúng kỳ hạn.

- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên/ vốn chủ sở hữu năm 2014 là 22,93% tăng hơn so với năm 2013 (năm 2013 là 21,74%) trong khi vốn chủ sở hữu của công ty năm 2014 đã tăng 16% so với năm trước.

- Trong năm 2014, công ty không có các khoản nợ phải trả xấu nào và không bị ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

#### **d- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

- Công ty tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức như: Đào tạo, tuyển dụng, tạo nguồn nhân lực đủ để bổ nhiệm các vị trí quản lý bộ phận từ tổ đội sản xuất đến các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ tại văn phòng công ty.

- Tiếp tục duy trì, bổ sung hoàn thiện, cập nhật và nâng cấp hệ thống ISO để phục vụ tốt cho quản lý, điều hành sản xuất.

**e- Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Công ty đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các mục tiêu chủ yếu cũng như thực hiện chiến lược phát triển trung và dài hạn là:

- Giải pháp thị trường: Duy trì và phát huy hiệu quả các thị trường truyền thống như: Điện, xi măng, dầu khí, hóa chất, giấy,...vv. Tận dụng lợi thế về cơ sở hạ tầng đã đầu tư như nhà ở, mặt bằng máy móc thi công, văn phòng làm việc ở các dự án Lilama 18 đang thực hiện ở khu vực phía Bắc để phát triển các thị trường lân cận nhằm giảm thiểu chi phí, tăng lợi nhuận cho công ty.
- Giải pháp sản phẩm: Kiên trì thực hiện các sản phẩm thế mạnh của Lilama 18, kiểm soát tốt công tác giao khoán nhằm tập trung nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao chi phí, giá trị hàm lượng chất xám trong sản phẩm ngày càng tăng cao. Đẩy mạnh việc triển khai chế tạo các sản phẩm xuất khẩu cho Kocks, Schade, Daniel, Redecam; tham gia lắp đặt các lò hơi 300Mw, 600Mw của các nhà máy điện chạy than.
- Giải pháp tài chính: Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về quản lý tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền một cách hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, chi phí đầu tư. Phối hợp đồng bộ kịp thời từ tổ chức thi công, nghiệm thu thu hồi vốn nhằm rút ngắn quá trình chu chuyển vốn, giảm thiểu sự phụ thuộc vào vốn vay nhằm tăng lợi nhuận, nghiên cứu xem xét kỹ lưỡng điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp cũng như nhu cầu sử dụng vốn để đưa ra các giải pháp huy động vốn phù hợp.
- Giải pháp đấu thầu: Luôn tôn trọng các yêu cầu của khách hàng, củng cố niềm tin vững chắc đối với khách hàng thông qua việc thực hiện các thỏa thuận giữa Lilama 18 với khách hàng. Tối ưu hóa các lợi thế trình độ quản lý và điều hành, nhà xưởng, máy móc thiết bị thi công, nguồn nhân lực và tiềm lực tài chính vào quá trình báo giá đấu thầu. Duy trì mối quan hệ hữu hảo với các khách hàng truyền thống,

nắm bắt và xử lý linh hoạt chính xác, kịp thời các thông tin liên quan đến công tác báo giá đấu thầu nhằm đảm bảo hiệu quả trúng thầu cao nhất.

- Giải pháp nguồn nhân lực: Làm tốt công tác lập kế hoạch nguồn nhân lực cho từng giai đoạn, từng dự án, công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng và chế độ đãi ngộ đối với từng chức danh, từng ngành nghề, từng công việc; phân phối thành quả lao động phù hợp với công sức đóng góp của mỗi thành viên trong quá trình sản xuất, nhằm giữ chân đội ngũ quản lý và sản xuất giỏi hiện có đồng thời thu hút được nhiều hiền tài đến với công ty. Bằng phương pháp khoán sản phẩm tới tận tổ sản xuất nhằm tối đa khả năng lao động sáng tạo của cán bộ công nhân viên; kích thích tinh thần làm việc tích cực và nâng cao trình độ quản lý và điều hành sản xuất của mọi thành viên trong doanh nghiệp.
- Căn cứ vào kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của công ty kết hợp với việc xem xét và đánh giá một cách thận trọng những yếu tố thuận lợi và khó khăn sắp tới. Công ty đã xây dựng kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2015 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
1	Doanh thu	Đồng	934.934.000000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	48.675.000.000
3	Nộp Ngân sách	Đồng	70.291.000000
4	Hoạt động Đầu tư	Đồng	52.300.000.000
5	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	Đồng	7.694.000
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	15

f- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

#### IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

- 1- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:** Công ty đã xây dựng được bộ máy điều hành sản xuất từ Ban tổng giám đốc đến các tổ đội sản xuất, phối hợp tổ chức hoạt động một cách đồng bộ, năng động, nhịp nhàng, linh hoạt và hiệu quả. Chú trọng giải quyết mọi vướng mắc tại các dự án như nguồn nhân lực, vật tư máy móc thiết bị thi công, nguyên nhiên vật liệu, nguồn tài chính. Tuyệt đối không để khách hàng, đối tác và chủ đầu tư kiến nghị, phàn nàn. Định kỳ hàng quý Hội đồng quản trị đều phối hợp với Ban tổng giám đốc tổ chức các buổi giao ban trực tiếp với các trưởng phó phòng ban công ty, thủ trưởng các đơn vị sản xuất, nhằm đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh trong quý, những tồn tại và giải pháp khắc phục. Trên cơ sở đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện cho kỳ tiếp theo.
- 2- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:** Ban tổng giám đốc thực hiện đúng chức năng quản lý điều hành trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị. Năm 2014 thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng thường niên năm 2014 đề ra, chấp hành tốt các quy định về quản lý tài chính, nhân lực, vật tư máy móc thi công cũng như các quy định khách của pháp luật. Đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong toàn công ty cũng như đảm bảo được cổ tức cho các cổ đông (cổ tức chi trả 15% và đã thanh toán cho các cổ đông trong tháng 01 năm 2013) và thực hiện tốt

nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước. Đến ngày 04/02/2015 Công ty đã thực hiện việc chi tạm ứng cổ tức năm 2014 cho cổ đông là 10%/vốn điều lệ vào ngày 04/02/2015.

- 3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị: Kiên trì thực hiện các mục tiêu chiến lược của công ty giai đoạn 2012-2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và nhiệm kỳ 2 (2012-2016) thông qua. Tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo điều lệ của công ty cũng như thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

#### V. Quản trị công ty:

##### 1- Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác). Công ty có 05 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó:

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm điều hành gồm 03 thành viên: Ông Lê Quốc Ân, ông Trần Sỹ Quỳnh và ông Trần Quốc Toàn.

Thành viên quản trị không điều hành gồm 02 thành viên: Ông Nguyễn Phương Anh và ông Cao Nguyên Soái

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Chưa có.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị và đại diện sở hữu cổ phiếu như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số CP	Tỷ lệ SH	Ghi chú
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch	1.718.857	21,352%	Tổng giám đốc
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		<i>1.690.500</i>	<i>21,000%</i>	
	<i>Cá nhân</i>		<i>28.357</i>	<i>0,352%</i>	
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên	1.228.863	15,265%	P tổng giám đốc
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		<i>1.207.500</i>	<i>15,000%</i>	
	<i>Cá nhân</i>		<i>21.363</i>	<i>0,265%</i>	
3	Trần Quốc Toàn	Thành viên	1.262.630	15,738%	Kế toán trưởng
	<i>Đại diện phần vốn NN</i>		<i>1.207.500</i>	<i>15,000%</i>	
	<i>Cá nhân</i>		<i>59.460</i>	<i>0,738%</i>	
4	Cao Nguyên Soái	Thành viên	26.758	0,332%	Không điều hành
5	Nguyễn Phương Anh	Thành viên	4.004	0,049%	Không điều hành

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: HĐQT thường xuyên duy trì công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý của công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Ngoài ra HĐQT còn chú trọng công tác quản lý rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế điều hành của tổng giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác của công ty. Cố gắng phát hiện và khắc phục các mặt còn hạn chế, tạo đà cho phát triển bền vững, nhằm đảm bảo hài hòa

lợi ích giữa tập thể, nhà nước, người lao động, nhà đầu tư cũng như đối tác và khách hàng.

Năm 2014, HĐQT công ty đã thực hiện tốt vai trò quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT cũng đưa ra các định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo hoạt động SXKD, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông, người lao động và các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát, cụ thể:

+ Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên năm 2013, Báo cáo tài chính quý 1 năm 2014, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét, Báo cáo tài chính quý 3 năm 2014, Báo cáo tài chính quý 4 năm 2014 và Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.

+ Đã chỉ đạo sát sao công tác chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 19/4/2014.

+ Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã có sự phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý và điều hành hoạt động của công ty theo đúng quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, tuân thủ đúng điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của công ty và bám sát nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

+ Đơn đốc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2014 và kết quả là công ty đã vượt kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế năm 2014 mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

+ Triển khai và hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2013 là 15%/VĐL và năm 2014 đã chốt danh sách chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt vào ngày 15/01/2015 và đã chi trả vào ngày 04/02/2015 với tỷ lệ là 10%/VĐL.

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị công ty đã tiến hành 23 phiên họp thường kỳ và theo vụ việc (đã phát hành 31 nghị quyết và 13 quyết định) nhằm đưa ra định hướng phát triển công ty, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của công ty; triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc triển khai các dự án đầu tư của công ty được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đầu tư, đấu thầu và xây dựng cơ bản.

Các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2014 cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
1	82/NQ-HĐQT	09/01/2014	Phê duyệt tiền ăn ca năm 2013; Sửa đổi quy chế quản lý tài chính; Phê duyệt Hội đồng thẩm định công ty năm 2014; phê duyệt công tác chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.
2	85/QĐ-HĐQT	23/01/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
3	86/ NQ-HĐQT	17/02/2014	Phê duyệt việc vay vốn và bảo lãnh với Ngân hàng TMCP ĐT&PT chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.
4	87/ NQ-HĐQT	17/02/2014	Phê duyệt việc vay vốn và bảo lãnh với Ngân hàng TMCP ĐT&PT chi nhánh Đồng Nai.
5	88/ NQ-HĐQT	17/02/2014	Phê duyệt việc vay vốn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.
6	89 NQ-HĐQT	17/02/2014	Phê duyệt việc giao dịch tín dụng hạn mức với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thủ Thiêm.
7	90/ NQ-HĐQT	24/02/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
8	91/ NQ-HĐQT	26/02/2014	Phê duyệt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014..
9	92/ NQ-HĐQT	26/02/2014	Phê duyệt Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày tháng	Nội dung
10	94/ NQ-HĐQT	25/03/2014	Phê duyệt những vấn đề bầu bổ sung thành viên HĐQT; Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ ứng cử viên; Thời gian địa điểm và các nội dung chính trình ĐKĐCĐ thường niên 2014.
11	95/ NQ-HĐQT	25/03/2014	Phê duyệt nâng bậc lương cán bộ quản lý..
12	107/ NQ-HĐQT	28/05/2014	Phê duyệt Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.
13	108/ NQ-HĐQT	11/06/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị thi công.
14	109/ NQ-HĐQT	16/06/2014	Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2014.
15	110/ NQ-HĐQT	16/06/2014	Phê duyệt miễn nhiệm và bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị.
16	114/ NQ-HĐQT	04/07/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
17	115/ NQ-HĐQT	14/07/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
18	116/ NQ-HĐQT	06/08/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
19	117/ NQ-HĐQT	06/08/2014	Phê duyệt KQ SXKD 6 tháng đầu năm và Kế hoạch SXKD Q3/2014.
20	119/ NQ-HĐQT	18/08/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
21	120/ NQ-HĐQT	04/09/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
22	121/ NQ-HĐQT	12/09/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
23	122/ NQ-HĐQT	06/10/2014	Phê duyệt miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc để nghỉ hưu
24	124/ NQ-HĐQT	13/10/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
25	125/ NQ-HĐQT	24/10/2014	Phê duyệt chủ trương mở rộng NM chế tạo KCT và Thiết bị cơ khí.
26	126/ NQ-HĐQT	27/10/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
27	127/ NQ-HĐQT	27/10/2014	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung về hệ thống bảng lương của công ty.
28	128/ NQ-HĐQT	27/10/2014	Chấp thuận việc vay vốn SXKD tại NH TMCP CTVN CN Thủ Thiêm.
29	129/ NQ-HĐQT	28/11/2014	Phê duyệt đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ thi công.
30	132/QĐ-HĐQT	22/12/2014	Phê duyệt chi tạm ứng cổ tức năm 2014.
31	132/NQ-HĐQT	31/12/2014	Phê duyệt tiền ăn ca năm 2014.
Stt	Số Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	83/ QĐ-HĐQT	09/01/2014	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.
2	84/ QĐ-HĐQT	09/01/2014	Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính sửa đổi..
3	93/ QĐ-HĐQT	26/02/2014	Quyết định ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ phúc lợi.
4	96/ QĐ-HĐQT	25/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT.
5	97/ QĐ-HĐQT	25/03/2014	Quyết định về việc nâng lương cán bộ quản lý công ty.
6	105/ QĐ-HĐQT	12/04/2014	Phê duyệt Quy định về hệ thống thang bảng lương của công ty.
7	111/ QĐ-HĐQT	16/06/2014	Quyết định miễn nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị công ty.
8	112/ QĐ-HĐQT	16/06/2014	Quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị công ty.
9	118/ QĐ-HĐQT	06/08/2014	Quyết định về việc nâng lương cán bộ quản lý công ty.
10	123/ QĐ-HĐQT	06/10/2014	Miễn nhiệm chức vụ Phó tổng giám đốc công ty để nghỉ hưu.
11	130/ QĐ-HĐQT	28/11/2014	Quyết định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động.
12	131/ QĐ-HĐQT	28/11/2014	Quyết định ban hành quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ công ty.
13	134/ QĐ-HĐQT	31/12/2014	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành: Đã thống nhất và kết hợp với các thành viên điều hành thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ công ty trong mọi hoạt động nhằm đưa ra định hướng phát triển công ty, chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu tư và các mặt hoạt động, quản lý khác của công ty.

d) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Phương Anh	Thành viên HĐQT

## 2- Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban kiểm soát và 02 thành viên ban kiểm soát kiêm nhiệm theo danh sách sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Đỗ Xuân Trường	Trưởng ban	500	0,0062%	
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	13.764	0,1709%	
3	Dương Thu Hồng	Thành viên	6.504	0,0808%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Trong năm 2014 Ban kiểm soát tổ chức 02 cuộc họp với các nội dung: Kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và báo cáo tài chính năm của công ty; nhận xét đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc. Tóm tắt các ý kiến nhận xét của Ban kiểm soát năm 2014 Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các văn bản, nghị quyết, quyết định, quy chế do Hội đồng quản trị công ty ban hành; trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ các cuộc họp định kỳ và theo vụ việc để chỉ đạo tình hình hoạt động của công ty, thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành doanh nghiệp theo đúng pháp luật, điều lệ công ty và các nghị quyết đã ban hành. Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2013 theo đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt hiệu quả cao, doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch đã được đại hội cổ đông thông qua. Chỉ đạo công tác đầu tư mua sắm tài sản tăng năng lực sản xuất của công ty theo đúng quy định. Chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán và các quy định hiện hành đầy đủ và kịp thời. Trong năm 2014 Ban kiểm soát không nhận được ý kiến nào của cổ đông liên quan đến việc quản trị và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty.

c) Các hoạt động phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc: Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trên tinh thần xây dựng và hợp tác, thể hiện các cuộc họp Hội đồng quản trị thường mở rộng có Ban kiểm soát tham dự. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được chuyển đến Ban kiểm soát để Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các nghị quyết Hội đồng quản trị và điều hành của Ban tổng giám đốc.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc công ty, các cổ đông trong và ngoài công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh, chia cổ tức, đại hội cổ đông,...vv. Để thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

### 3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Thù lao 4 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên HĐQT, TBKS : Thù lao 3 lần mức lương tối thiểu/tháng

Thành viên BKS, Thư ký : Thù lao 2 lần mức lương tối thiểu/tháng



Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Tổng cộng thu nhập	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch	420.870.850	91.200.000	512.070.850	
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên	363.094.388	68.400.000	431.494.388	
3	Trần Quốc Toán	Thành viên	344.105.300	68.400.000	412.505.300	
4	Cao Nguyên Soái	Thành viên	363.094.388	60.800.000	423.894.388	
5	Nguyễn phương Anh	Thành viên	328.649.670	68.400.000	397.049.670	
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
1	Đỗ Xuân Trường	TBKS	0	68.400.000	68.400.000	
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên	243.171.172	45.600.000	288.771.172	
3	Dương Thu Hồng	Thành viên	241.938.705	45.600.000	287.538.705	
<b>III</b>	<b>Ban tổng giám đốc</b>					
1	Lê Quốc Ân	Tổng GD	0	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Sỹ Quỳnh	P tổng GD	0	0	0	Th. viên HĐQT
3	Đặng Quốc Anh	P tổng GD	363.094.388	0	363.094.388	
4	Vũ Minh Tuấn	P tổng GD	363.094.388	0	363.094.388	
5	Phan Văn Nam	P tổng GD	370.287.788	0	370.287.788	
6	Ngô Văn Phùng	P tổng GD	363.094.388	0	363.094.388	
7	Trần Văn Tiến	P tổng GD	230.052.730	0	230.052.730	
8	Phạm Văn Vân	P tổng GD	344.105.300	22.800.000	366.905.300	
9	Nguyễn Duy Lợi	P tổng GD	0	0	0	Biệt phái Tcty

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Đặng Quốc Anh	Phó tổng giám đốc	17.250	0,2142%	5.250	0,0652%	Bán
2	Đoàn Thị Thanh Hương	Vợ của ông Đặng Quốc Anh	6.304	0,0783%	2.304	0,0286%	Bán
3	Công ty TNHH CK Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Cổ đông lớn	0	0	506.810	6,295%	Mua và trở thành cổ đông lớn

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty luôn chấp hành các quy định về quản trị công ty theo quy định của Nhà nước.

**VI. Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban giám đốc; Báo cáo kiểm toán; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

1- Ý kiến của Kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 18 tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2- Báo cáo tài chính được Kiểm toán (Đính kèm Báo cáo tài chính năm 2014)

*Tp Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2015*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc



Lê Quốc Ân

Nơi gửi:

- UBCK Nhà Nước
- Sở GD&ĐT Tp HCM
- HĐQT
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2014  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

COMPY

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 08
Bảng cân đối kế toán	09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 34
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	

Handwritten signature or mark on the right margin.

Handwritten mark or signature at the bottom right corner.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty cổ phần Lilama 18 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 18. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/6/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0300390921, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình;
- Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, ôxy; phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (binh, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt, lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, bến cảng, sân bay).
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra mối hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 80.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 8.050.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	4.105.500	41.055.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	3.944.500	39.445.000.000	49 %
	<b>8.050.000</b>	<b>80.500.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 34.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch
Ông Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Quốc Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Phương Anh	Thành viên
Ông Phạm Văn Vân	Thành viên
Ông Cao Nguyên Soái	Thành viên

Từ nhiệm ngày 19/4/2014

Bầu bổ sung ngày 19/4/2014

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Lê Quốc Ân	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Phùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Lợi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Toàn	Kế toán trưởng

Miễn nhiệm ngày 01/01/2015

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Đỗ Xuân Trường	Trưởng ban
Bà Dương Thu Hồng	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

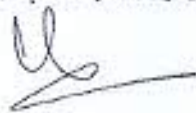
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lilama 18  
phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2014 của Công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

Thay mặt Hội đồng quản trị  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Quốc Ân

Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Giám đốc

Trưởng Giám đốc



Lê Quốc Ân

W2010 8.4.23 1/21



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Biệt thự 2, KĐT Bắc Linh Đàm, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội  
Tel: (+84 4) 3767 0720 • Fax: (+84 4) 3876 0721

Số: 644/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lilama 18

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Lilama 18, được lập ngày 19/01/2015, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính đo gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 18 tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**LÊ NGỌC KHUÊ**

Phó Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2015

**NGUYỄN TRUNG KIÊN**

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2349-2014-126-1

15/01/2015

7/15



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	Đơn vị tính: đồng 01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.217.144.555.062</b>	<b>1.085.733.214.454</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>175.945.216.041</b>	<b>207.747.360.645</b>
1. Tiền	111	V.01	175.945.216.041	207.747.360.645
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>8.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		8.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>297.469.159.728</b>	<b>245.853.396.840</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	V.03	259.073.194.967	227.831.275.173
2. Trả trước cho người bán	132		2.807.554.401	5.141.561.093
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		52.383.813.884	27.454.151.460
5. Các khoản phải thu khác	138	V.04	13.876.623.457	12.008.337.055
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(30.672.026.981)	(26.581.927.941)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>708.992.184.665</b>	<b>599.487.667.644</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.05	708.992.184.665	599.487.667.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.737.994.628</b>	<b>32.644.789.325</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.430.280.803	1.299.512.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	889.045.986
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	17.632.582
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	22.307.713.825	30.438.598.545
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>216.987.077.488</b>	<b>207.794.578.373</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>158.963.648.312</b>	<b>138.223.117.067</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	67.944.980.555	66.994.388.490
- Nguyên giá	222		203.898.390.203	175.419.174.480
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(135.953.409.648)	(108.424.785.990)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	89.129.351.442	69.375.000.499
- Nguyên giá	225		106.912.027.765	87.655.691.393
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(17.782.676.323)	(18.280.690.894)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	1.889.316.315	1.853.728.078
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>14.295.170.749</b>	<b>15.797.936.735</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		25.535.475.000	25.535.475.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(11.240.304.251)	(9.737.538.265)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>43.728.258.427</b>	<b>53.773.524.571</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	35.284.866.507	46.061.392.511
3. Tài sản dài hạn khác	268		8.443.391.920	7.712.132.060
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.434.131.632.550</b>	<b>1.293.527.792.827</b>

11/02/14 12:11

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	Đơn vị tính: đồng 01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		1.221.544.059.962	1.110.263.718.247
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		1.144.840.724.308	1.013.758.051.291
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	574.215.951.377	458.316.042.001
2. Phải trả người bán	312		10.485.733.521	22.471.322.159
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	297.700.806.313	249.451.426.638
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	11.188.505.033	10.477.475.343
5. Phải trả công nhân viên	315		72.604.849.340	65.424.419.030
6. Chi phí phải trả	316	V.15	25.874.994.370	34.898.450.295
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	106.673.641.185	131.304.626.939
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.17	43.492.110.943	40.850.667.522
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.604.132.226	563.621.364
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		76.703.335.654	96.505.666.956
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	70.847.959.800	61.770.309.940
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5.855.375.854	34.735.357.016
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		212.587.572.588	183.264.074.580
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.19	212.587.572.588	183.264.074.580
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.500.000.000	80.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.076.755.000	8.076.755.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.002.041.860	5.552.849.625
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		47.357.063.398	32.661.909.986
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.387.099.734	7.488.715.263
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		56.264.612.596	48.983.844.706
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		<u>1.434.131.632.550</u>	<u>1.293.527.792.827</u>


2/4

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		70.618.45	13.661.43
- USD			111.09	167.37
- EUR			-	-
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu  
  
Nguyễn Thành

Kế toán trưởng  
  
Trần Quốc Toàn

Tổng Giám đốc  
  
Lê Quốc Ân



11/1/2015 10:11

2/1/15

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.20	1.373.610.561.730	1.277.116.721.662
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.373.610.561.730	1.277.116.721.662
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	1.257.146.391.402	1.165.901.281.123
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		116.464.170.328	111.215.440.539
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	9.761.879.486	9.424.539.057
7. Chi phí tài chính	22	V.23	46.430.483.862	37.115.858.706
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.828.176.431	26.464.088.541
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		48.185.992.381	41.403.279.691
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.609.573.571	42.120.841.199
11. Thu nhập khác	31		39.793.007.394	20.846.686.247
12. Chi phí khác	32		8.629.873.250	8.280.576.716
13. Lợi nhuận khác	40		31.163.134.144	12.566.109.531
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.772.707.715	54.686.950.730
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	14.026.633.001	13.579.160.155
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		48.746.074.714	41.107.790.575
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		6.055	5.107

Người lập biểu

Nguyễn Thành

Kế toán trưởng

Trần Quốc Toàn

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Ân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014	Đơn vị tính: đồng Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		1.524.640.173.836	1.376.152.596.714
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác	02	(1.046.370.357.873)	(930.815.124.793)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(417.704.428.192)	(374.972.436.584)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(41.503.947.856)	(26.444.694.864)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(14.659.856.143)	(15.974.052.259)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.075.608.166	9.294.993.680
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(106.342.906.242)	(167.054.098.633)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>(93.865.714.304)</i>	<i>(129.812.816.739)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		(50.229.540.798)	(45.961.138.561)
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	121.300.000	1.284.179.000
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(8.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.514.423.128	8.247.308.072
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(49.593.817.670)</i>	<i>(36.429.651.489)</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.210.449.460.180	1.119.406.667.502
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.064.071.672.176)	(852.301.077.705)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(22.905.115.179)	(16.932.215.104)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.815.285.455)	(11.778.289.380)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>111.657.387.370</i>	<i>238.395.085.313</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>(31.802.144.604)</i>	<i>72.152.617.085</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	207.747.360.645	135.594.743.560
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	175.945.216.041	207.747.360.645

Người lập biểu  
  
Nguyễn Thành

Kế toán trưởng  
  
Trần Quốc Toàn

Tổng Giám đốc  
  
Lê Quốc Ân

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 18 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 18. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103005862 ngày 04/01/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/6/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 0300390921.

Trụ sở chính của Công ty tại số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế điện, lắp ráp máy móc thiết bị cho các công trình;
- Sản xuất và mua bán vật tư, đất đèn, que hàn, oxy; phụ tùng, cấu kiện kim loại cho xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực (bình, bể, bồn, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn; giàn khoan dầu khí, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Mua bán vật tư, thiết bị (cơ, điện, nhiệt, lạnh, vật liệu xây dựng, vật liệu bảo ôn, cách nhiệt) các dây chuyền công nghệ;
- Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, bến cảng, sân bay).
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh hệ thống điện, điều khiển tự động, kiểm tra mối hàn kim loại. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng đô thị, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà ở, văn phòng. Kinh doanh bất động sản, kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn.

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm tài chính, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

##### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

##### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay";

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí tư vấn, cấp chứng chỉ; chi phí quyền sử dụng đất.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.



**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Trong kỳ, Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty;

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CHẾ ĐỘ  
 HÓA ĐƠN  
 NH

## 12. Công cụ tài chính

### *Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

## 14. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày tại mục VII.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

105  
DN  
KH  
47  
MI  
L  
T  
X/11

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền	31/12/2014	01/01/2014	
	đồng	đồng	
Tiền mặt tại quỹ	1.592.822.367	376.513.805	
Tiền gửi ngân hàng	174.352.393.674	207.370.846.840	
<b>Cộng</b>	<b>175.945.216.041</b>	<b>207.747.360.645</b>	
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014	
	đồng	đồng	
Đầu tư ngắn hạn khác	8.000.000.000	-	
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng	8.000.000.000	-	
<b>Cộng</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>	
3 . Phải thu khách hàng (Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 27 đến trang 29)			
4 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014	
	đồng	đồng	
Phải thu khác	13.876.623.457	12.008.337.055	
- Phải thu khác	13.876.623.457	12.008.337.055	
<b>Cộng</b>	<b>13.876.623.457</b>	<b>12.008.337.055</b>	
5 . Hàng tồn kho	31/12/2014	01/01/2014	
	đồng	đồng	
Nguyên liệu, vật liệu	2.465.065.117	181.232.192	
Công cụ, dụng cụ	667.285.689	713.065.089	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	705.859.833.859	598.593.370.363	
<b>Cộng</b>	<b>708.992.184.665</b>	<b>599.487.667.644</b>	
6 . Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014	
	đồng	đồng	
Tạm ứng	22.307.713.825	30.438.598.545	
<b>Cộng</b>	<b>22.307.713.825</b>	<b>30.438.598.545</b>	
7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục số 02 trang 30)			
8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính		Đơn vị tính: đồng	
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	72.435.890.881	15.219.800.512	87.655.691.393
Số tăng trong kỳ	15.188.609.960	25.354.214.219	40.542.824.179
- Thuế tài chính	15.188.609.960	25.354.214.219	40.542.824.179
Số giảm trong kỳ	14.986.817.320	6.299.670.487	21.286.487.807
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	14.986.817.320	6.299.670.487	21.286.487.807
Số dư cuối kỳ	72.637.683.521	34.274.344.244	106.912.027.765
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	14.437.992.218	3.842.698.676	18.280.690.894
Số tăng trong kỳ	8.127.751.748	4.366.834.972	12.494.586.720
- Khấu hao trong kỳ	8.127.751.748	4.366.834.972	12.494.586.720
Số giảm trong kỳ	9.115.196.378	3.877.404.913	12.992.601.291
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	9.115.196.378	3.877.404.913	12.992.601.291
Số dư cuối kỳ	13.450.547.588	4.332.128.735	17.782.676.323
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	57.997.898.663	11.377.101.836	69.375.000.499
Tại ngày cuối kỳ	59.187.135.933	29.942.215.509	89.129.351.442

**9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	1.889.316.315	1.853.728.078
- Đền bù quyền sử dụng đất 2.810m <sup>2</sup> - Quận 9	673.165.000	673.165.000
- Xây dựng chung cư Lilama 18	267.413.589	267.413.589
- Xây dựng Văn phòng Lilama 18	7.336.818	5.296.818
- Nhà máy Chế tạo kết cấu thép Bình Dương	7.362.728	7.362.728
- Đầu tư xây dựng cầu cảng tại An Tây - Bến Cát	486.426.708	486.426.708
- Khấu hao quyền sử dụng đất An Tây - Bến Cát	375.161.472	267.972.480
- Xây dựng nhà VP số 9 Nguyễn Văn Bá - Thủ Đức	72.450.000	-
- Mua sắm tài sản cố định	-	146.090.755
<b>Cộng</b>	<b>1.889.316.315</b>	<b>1.853.728.078</b>

**10 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác		25.535.475.000		25.535.475.000
- Cty TNHH Kết cấu thép toàn cầu Vina <sup>(1)</sup>	15%	7.535.475.000	15%	7.535.475.000
- Cty CP Chế tạo giàn khoan dầu khí <sup>(2)</sup>	1.800.000	18.000.000.000	1.800.000	18.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		(11.240.304.251)		(9.737.538.265)
- Cty TNHH Kết cấu thép toàn cầu Vina		(4.684.923.477)		(3.782.858.705)
- Cty CP Chế tạo giàn khoan dầu khí		(6.555.380.774)		(5.954.679.560)
<b>Cộng</b>		<b>14.295.170.749</b>		<b>15.797.936.735</b>

<sup>(1)</sup> Vốn điều lệ của Công ty TNHH Kết cấu thép toàn cầu Vina - Japan theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.236.500.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 15% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty đã góp đủ vốn.

<sup>(2)</sup> Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chế tạo giàn khoan dầu khí theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 594.897.870.000 đồng. Tỷ lệ góp vốn của Công ty chiếm 3,03% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty đã góp đủ vốn.

**11 . Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
Chi phí tư vấn và cấp chứng chỉ ASME	580.553.197	912.297.885
Chi phí chuẩn bị cho dự án Formosa	-	191.371.944
Chi phí quyền sử dụng đất	25.285.543.460	25.831.797.704
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.418.769.850	18.814.180.068
Chi phí bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	311.744.910
<b>Cộng</b>	<b>35.284.866.507</b>	<b>46.061.392.511</b>

*Thuy*

12 . Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
	đồng	đồng
Vay ngắn hạn	553.003.213.836	439.529.591.707
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đồng Nai <sup>(3)</sup>	191.310.197.403	192.289.683.077
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Tp HCM <sup>(4)</sup>	241.854.240.924	190.929.213.624
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Tp HCM <sup>(5)</sup>	110.260.144.776	56.310.695.006
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thủ Thiêm <sup>(6)</sup>	9.578.630.733	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	21.212.737.541	18.786.450.294
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Tp Hồ Chí Minh	564.000.000	564.000.000
- Công ty cho thuê TC II - TNHH MTV ngân hàng BIDV VN	-	3.191.551.070
- Công ty cho thuê TC TNHH MTV Ngân hàng ĐT&PT VN	311.693.764	-
- Công ty cho thuê TC Quốc tế Challease	7.268.742.327	7.608.421.458
- Công ty cho thuê TC Quốc tế Việt Nam	10.808.364.753	6.173.379.430
- Công ty cho thuê TC ngân hàng VCB - HCM	2.259.936.697	1.249.098.336
<b>Cộng</b>	<b>574.215.951.377</b>	<b>458.316.042.001</b>

<sup>(3)</sup> Vay Ngân hàng TMCP ĐT&PT tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0505/2014/93018/HĐTD ngày 05/5/2014. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản thế chấp là Nhà máy chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí tại tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 133667 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2010; Cổ phiếu Công ty cổ phần chế tạo giàn khoan dầu khí; Số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng, lãi trả hàng tháng.

<sup>(4)</sup> Vay Ngân hàng TMCP ĐT&PT Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 165/2014/93018/HĐTD ngày 06/5/2014. Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá/chứng chỉ tiền gửi số 03/2012/93018 ngày 29/02/2012, hợp đồng cầm cố số 01/2004/93018 ngày 30/9/2004; hợp đồng thế chấp số 29/2009/93018 ngày 03/7/2009 và phụ lục ngày 30/10/2009; Hợp đồng thế chấp số 66/2009/93018 ngày 21/10/2009 và phụ lục ngày 30/12/2009; Hợp đồng thế chấp số 11/2010/93018 ngày 07/5/2011; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 24/2010/93018 ngày 22/11/2010, hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng số 34/2011/93018 ngày 16/11/2011. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 12 tháng, lãi được trả hàng tháng.

<sup>(5)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0123/KH/13NH ngày 08/5/2013. Phụ lục số 02/TTD-0123/KH/13NH ngày 21/3/2014. Hạn mức cho vay và bảo lãnh là 120.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tiền gửi có kỳ hạn với giá trị 10 tỷ đồng của Bên B tại Bên A, chi tiết được quy định cụ thể tại Hợp đồng cầm cố tài sản số 0190/NHNT ngày 08/5/2013 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung; Căn trực bán lẻ KATO KR-45H và Căn trực bán lẻ xích HITACHI KH850-3, chi tiết được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0191/NHNT ngày 08/5/2013 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung.

<sup>(6)</sup> Vay Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 125/2014-HĐTDHM/NHCT903-LM18 ngày 26/11/2014. Hạn mức cho vay và bảo lãnh là 200.000.000.000 đồng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, hình thức vay tín chấp.

13 . Người mua trả tiền trước (Chi tiết tại phụ lục số 03 trang 31 đến trang 33)

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
<b>14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	6.201.343.756	2.899.819.632
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.053.767.373	4.686.990.515
Thuế thu nhập cá nhân	370.776.596	2.890.665.196
Các loại thuế khác	562.617.308	-
<b>Cộng</b>	<b>11.188.505.033</b>	<b>10.477.475.343</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
<b>15 . Chi phí phải trả</b>		
Trích trước chi phí tiền ăn ca	22.425.828.000	-
Trích trước chi phí lãi vay vốn lưu động	750.655.081	535.960.696
Trích trước chi phí công trình NM giấy COGIDO Tân Mai	1.590.332.843	1.590.332.843
Trích trước chi phí chi phí tiền lương bổ sung	-	19.038.978.000
Trích trước chi phí công trình giàn CPP - 0494/13	-	142.483.221
Trích trước chi phí công trình XM Hòn Chông - 13247	-	9.281.663.053
Trích trước chi phí công trình Kock - 73008-09	-	4.309.032.482
Trích trước chi phí các công trình khác	1.108.178.446	-
<b>Cộng</b>	<b>25.874.994.370</b>	<b>34.898.450.295</b>

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
<b>16 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
Kinh phí công đoàn	175.340.729	244.260.169
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	(583.221.656)	1.486.639.718
Các khoản phải trả, phải nộp khác	107.081.522.112	129.573.727.052
- Nợ tiền hoàn ứng các tổ đội công trình	102.999.422.685	125.645.086.162
- Phải trả khác	4.082.099.427	3.928.640.890
<b>Cộng</b>	<b>106.673.641.185</b>	<b>131.304.626.939</b>

LILAMA 18

*[Handwritten signature]*

**17 . Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
Chi phí bảo hành công trình xây lắp <sup>(1)</sup>	43.492.110.943	40.850.667.522
- Chế tạo chân đế Hải Thạch - Biên Đông - 0006/11	13.001.627.689	13.001.627.689
- Chế tạo chân đế giàn BK16 - 1031/13/T-N3	2.051.675.195	-
- Gia công, chế tạo kết cấu Chân đế DKI-14 - 0123/10	-	1.476.998.840
- Dự án Đông Đô- Thăng Long - 0142/12/VSP05-LILAMA/XL ngày 03/10/2012	3.292.727.580	3.292.727.580
- Chế tạo trên bờ kết cấu chân đế Gấu Trắng - 0108/12/T-N3 ngày 03/04/2012	-	1.841.433.700
- Chế tạo trên bờ Tope side Chân đế Gấu Trắng - 0109/12/T-N3 ngày 03/04/2012	-	2.299.889.950
- Gia công thiết bị - PO: 950549, PO: 950555 ngày 18/04/2013	9.222.291.303	-
- Hệ thống LOT3 BOP (ngày 17/7/2009)	-	7.502.941.460
- Gia công và vận chuyển đến công trường cảng Phú Hữu ITC - 73006/007 ngày 09/02/2012	-	1.804.147.118
- Tư vấn thiết kế, CC vật tư và LD hệ thống máy biến áp - 10-117	1.194.049.850	1.194.049.850
- Thi công lắp đặt máy & T.bị dây chuyền CGL số 2 (SUNSCO/LM18-HDKT-88)	1.870.000.000	1.870.000.000
- Gia công & lắp đặt KCT, đường ống, kết cấu lọc bụi (12162/HNPJ/2012)	-	1.606.963.098
- Cung cấp gia công & lắp đặt - 13247/HNPJ/2013	2.438.894.295	-
- Các công trình khác	10.420.845.031	4.959.888.237
<b>Cộng</b>	<b>43.492.110.943</b>	<b>40.850.667.522</b>

<sup>(1)</sup> Trích chi phí bảo hành công trình theo tỷ lệ từ 3% đến 10% tổng giá trị quyết toán công trình

**18 . Vay dài hạn và Nợ dài hạn**

	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
<b>a. Vay dài hạn</b>	715.462.870	1.279.462.870
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển TP Hồ Chí Minh	715.462.870	1.279.462.870
<b>b. Nợ dài hạn</b>	70.132.496.930	60.490.847.070
- Thuế tài chính	39.513.838.779	29.872.188.919
- Nợ dài hạn khác <sup>(8)</sup>	30.618.658.151	30.618.658.151
<b>Cộng</b>	<b>70.847.959.800</b>	<b>61.770.309.940</b>

<sup>(8)</sup> Sử dụng tiền chuyển mục đích sử dụng đất của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tại Khu đất 1,2ha - khu phố II, phường Phước Long B, Quận 9 để xây dựng Nhà máy kết cấu thép tại Bình Dương (giải ngân từ Kho bạc Nhà nước Tp Hồ Chí Minh)

**c. Các khoản nợ thuế tài chính**

Thời hạn	Năm nay			Năm trước	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả lãi tiền thuế	Trả nợ gốc	Trả lãi tiền thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	25.703.271.056	5.054.533.515	20.648.737.541	4.749.527.483	18.222.450.294
Trên 1 năm đến 5 năm	46.129.620.124	6.615.781.345	39.513.838.779	6.158.637.622	29.872.188.919
Trên 5 năm	-	-	-	-	-

**19. Vốn chủ sở hữu**

19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 04 trang 34)

	31/12/2014	01/01/2014
	đồng	đồng
<b>19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	41.055.000.000	41.055.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	39.445.000.000	39.445.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.500.000.000</b>	<b>80.500.000.000</b>

**19.3. Cổ phiếu**

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.050.000	8.050.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.050.000	8.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.050.000	8.050.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.050.000	8.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014	Năm 2013
	đồng	đồng
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.746.074.714	41.107.790.575
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	48.746.074.714	41.107.790.575
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.050.000	8.050.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.055	5.107

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**20. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	đồng	đồng
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.373.610.561.730	1.277.116.721.662
<b>Cộng</b>	<b>1.373.610.561.730</b>	<b>1.277.116.721.662</b>

**21. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014	Năm 2013
	đồng	đồng
Giá vốn hoạt động xây lắp	1.257.146.391.402	1.165.901.281.123
<b>Cộng</b>	<b>1.257.146.391.402</b>	<b>1.165.901.281.123</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014	Năm 2013
	đồng	đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.002.414.333	7.347.308.072
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	900.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.756.480.393	1.175.891.169
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.984.760	1.339.816
<b>Cộng</b>	<b>9.761.879.486</b>	<b>9.424.539.057</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

*[Handwritten signature]*



	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
<b>23 . Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	41.828.176.431	26.464.088.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.099.541.445	2.432.563.086
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.502.765.986	7.560.132.079
Chi phí tài chính khác	-	659.075.000
<b>Cộng</b>	<b>46.430.483.862</b>	<b>37.115.858.706</b>
<b>24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
a. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	62.772.707.715	54.686.950.730
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế TNDN	305.093.190	(653.353.363)
c. Lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (a+b)	63.077.800.905	54.033.597.367
d. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.026.633.001	13.579.160.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ (c*d)	13.877.116.200	13.508.399.342
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các kỳ trước	149.516.801	70.760.813
<b>25 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Năm 2014 đồng	Năm 2013 đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.560.147.700	526.878.075.906
Chi phí nhân công	468.348.459.288	418.939.334.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.031.300.345	20.171.552.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.886.329.176	274.268.342.303
Chi phí khác bằng tiền	71.772.610.770	64.299.124.308
<b>Cộng</b>	<b>1.412.598.847.279</b>	<b>1.304.556.428.760</b>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	579.023.166.718
-	Dự án Formosa Hà Tĩnh			56.221.864.035
-	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1			188.782.391.578
-	Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2			135.151.522.962
-	Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn			10.056.183.841
-	Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2			23.552.286.800
-	Nhà máy Xi măng Sông Gianh			(7.943.636)
-	Dự án nhiệt điện Vũng Áng 1			163.266.861.138

DHC  
 TRẮC  
 KIỂM  
 THẨM  
 SNT

*Tuy*

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu khách hàng Người mua trả trước Phải thu khác BHXH công nhân biệt phái Phải trả người bán	90.789.087.790 (68.825.168.603) 35.980.632 10.210.912  (1.934.821.380)
2	Công ty cổ phần Lilama 7	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải thu khách hàng	1.689.989.297
3	Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Trả trước người bán	294.173.475
4	Công ty cổ phần Lisemco 2	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Phải trả người bán BHXH công nhân biệt phái	(2.161.957.037) 40.915.850
5	Công ty cổ phần Lilama 10	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	Trả trước người bán	930.026.173
6	Công ty cổ phần Lilama 69.3	Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty	BHXH công nhân biệt phái	(53.255.925) (21.904.657)

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký trong năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Lê Quốc Ân	Chủ tịch Hội đồng quản trị	420.870.850	91.200.000
2	Trần Sỹ Quỳnh	Thành viên Hội đồng quản trị	363.094.388	68.400.000
3	Trần Quốc Toán	Thành viên Hội đồng quản trị	344.105.300	68.400.000
4	Phạm Văn Văn	Thành viên Hội đồng quản trị	344.105.300	22.800.000
5	Nguyễn Phương Anh	Thành viên Hội đồng quản trị	328.649.670	68.400.000
6	Cao Nguyễn Soái	Thành viên Hội đồng quản trị	363.094.388	45.600.000
7	Cao Nguyễn Soái	Thư ký Hội đồng quản trị	-	15.200.000
8	Phan Hồng Tuấn	Thư ký Hội đồng quản trị	244.796.762	30.400.000
9	Đỗ Xuân Trường	Trưởng Ban kiểm soát	-	68.400.000
10	Phạm Tuấn Anh	Thành viên Ban kiểm soát	243.171.172	45.600.000
11	Dương Thu Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	241.938.705	45.600.000
Tổng cộng			2.893.826.535	570.000.000

2. Báo cáo bộ phận

a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.373.610.561.730	-	1.373.610.561.730

b. Theo lĩnh vực địa lý

Đơn vị tính: đồng

	Miền Nam	Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	630.383.800.330	743.226.761.400	1.373.610.561.730

201  
 ÔN  
 HỒI  
 M  
 M  
 1  
 IẾT  
 /XL

3 . Công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng	31/12/2014 đồng	01/01/2014 đồng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	175.945.216.041	207.747.360.645	175.945.216.041	207.747.360.645
Phải thu khách hàng và phải thu khác	272.949.818.424	239.839.612.228	245.943.134.150	216.500.784.451
<b>Cộng</b>	<b>448.895.034.465</b>	<b>447.586.972.873</b>	<b>421.888.350.191</b>	<b>424.248.145.096</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	645.063.911.177	520.086.351.941	645.063.911.177	520.086.351.941
Phải trả người bán và phải trả khác	117.159.374.706	153.775.949.098	117.159.374.706	153.775.949.098
Chi phí phải trả	25.874.994.370	34.898.450.295	25.874.994.370	34.898.450.295
<b>Cộng</b>	<b>788.098.280.253</b>	<b>708.760.751.334</b>	<b>788.098.280.253</b>	<b>708.760.751.334</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.
- Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các Đơn vị khác tại ngày 31/12/2014 (được thuyết minh tại V.12).

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

#### Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở tìm khách hàng đối với khách hàng lớn.

#### Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Dưới 1 năm đồng	Trên 1 năm đồng	Tổng cộng đồng
Số cuối kỳ	717.250.320.453	70.847.959.800	788.098.280.253
Các khoản vay	574.215.951.377	70.847.959.800	645.063.911.177
Phải trả người bán	10.485.733.521	-	10.485.733.521
Chi phí phải trả	25.874.994.370	-	25.874.994.370
Phải trả khác	106.673.641.185	-	106.673.641.185
Số đầu năm	646.990.441.394	61.770.309.940	708.760.751.334
Các khoản vay	458.316.042.001	61.770.309.940	520.086.351.941
Phải trả người bán	22.471.322.159	-	22.471.322.159
Chi phí phải trả	34.898.450.295	-	34.898.450.295
Phải trả khác	131.304.626.939	-	131.304.626.939

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

GY  
DUY  
N V  
H GI  
AM  
TP

4 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

5 . Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Người lập biểu  
  
Nguyễn Thành

Kế toán trưởng  
  
Trần Quốc Toàn

Tp Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2015  
Tổng Giám đốc  
  
Lê Quốc Ân



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014	
1	BQLDA Trại nghiên cứu XM Hà Tiên 2:- CCVT, thiết bị trong nước, GCCT dây chuyền SX Clinker - Dây chuyền XMHT2-2 (09013/HD)	375.176.175	1.375.773.546	
2	Công ty TNHH SANKYU - Lắp đặt thiết bị AIR WATER cho Sankyu Việt Nam - 13.LM18.HDKT-194	-	1.792.780.000	
3	JAN DE NUL N.V:- CCNC theo đơn đặt hàng số 608 ký ngày 17/05/2011	16.493.400	2.280.295.710	
4	Cty Nestle Việt Nam:- GC, Lắp đặt KCT và thiết bị - 7510084	-	1.920.095.871	
5	Jurong Engineering Ltd:- LD và TN lọc bụi tĩnh điện (EPS) HT khử lưu huỳnh khí thải NM điện Nghi Sơn 1 (JOB No 30312)	19.851.656.604	16.750.121.631	
6	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- SX và lắp dựng KCT cho tháp trao đổi nhiệt và ống khói chính XM Đồng Lâm (03/2012)	6.977.769.018	4.350.893.514	
7	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- GC chế tạo TB phi tiêu chuẩn và lắp đặt toàn bộ TB dây chuyền SX XM Đồng Lâm (01/2012)	6.597.451.148	-	
8	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- SX & xây dựng KCT các hạng mục kho phụ gia XM Đồng Lâm (11/2013/HDLĐ)	4.568.145.888	3.973.047.888	
9	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- CCVT, LD thiết bị xường chế bột OCC (10.LM18.HDKT-045)	7.637.450.000	-	
10	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Tư vấn thiết kế, CCVT & LD hệ thống máy biến áp - 10-117	1.194.049.850	5.475.575.340	
11	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- Cung cấp Pipe-Fittings, lắp đặt và bảo ôn cho hệ thống hơi chính (HĐ 11-078)	266.492.550	1.153.666.950	
12	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- CC và LD hoàn thiện thiết bị dây chuyền PM 4 Rewinder - 12.LM18.HDKT-64	7.768.683.945	4.728.041.200	
13	Công ty Holecim Việt nam:- Cung cấp các DV kỹ thuật cho đại tu lò (HĐ: 13046/HNPC/2013 ngày 29/01/2013)	-	1.768.332.500	
14	Công ty Holecim Việt nam:- CC lắp đặt thiết bị xuất bao JamBo XM Hòa Chông-13173/HNPJ/2013	-	2.018.447.614	
15	Công ty Holecim Việt nam:- CCNC bảo trì thiết bị XM Hòa Chông (từ 2013)	1.777.701.885	3.970.640.243	
16	Công ty Holecim Việt nam:- Cung cấp vật tư, GC & LD XM Hòa Chông - 13247/HNPJ/2013	-	13.718.548.452	
17	Công ty Holecim Việt nam:- CCVT & lắp đặt từ kho ATS lên tháp tiền nung XM Hòa Chông - 13347/HNPJ/2013	2.118.093.963	-	



**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014	
18	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Thi công gói thầu số 8: Lắp đặt thiết bị cơ điện (G3/HT1)	1.391.936.172	9.538.538.242	
19	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Cung cấp gia công chế tạo & LĐTĐ chế tạo 2 kho tròn NMXM Bình Phước (11-123)	7.110.640.800	7.110.640.800	
20	CTY CP xi măng Hà Tiên I:- Tháo dỡ VC thiết bị từ mỏ đá Vĩnh Tân XM Bình Phước - 13-LM18 HDKT 118	2.274.502.185	-	
21	CTY xi măng Hà Tiên II:- Chuyển đổi HT đốt nhiên liệu từ dầu sang than (06/018/HĐ-XDCB)	-	4.225.239.002	
22	Công ty cổ phần Sun Steel:- Thi công lắp đặt máy & T.bị dây chuyền CGL số 2 (SUNSCO/LM18-HDKT-88)	-	1.870.000.000	
23	Tecpro Systems, (Ash Tech Division):- Thanh toán khối lượng hoàn thành theo các Order của WORK ORDER NB Vũng Áng	-	13.400.503.857	
24	Ban quản lý dự án Xi măng Thăng Long:- CC, lễ và XD trạm điện chính 22/6KV - Trạm nghiên Hiệp Phước (08/2006/HEXL)	10.640.360	4.561.043.621	
25	Tortishima (HongKong):- Hệ thống LOT3 BOP - Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 - 17/7	-	7.626.468.073	
26	Công ty thép Vinakyocei:- Chế tạo và lắp đặt hệ thống gom bụi NM thép Vinakyocei (EP-C-M-537)	5.826.728.000	-	
27	Công ty cổ phần xây lắp III petrolimex (PENJICO): Gói thầu số 4 kho xăng dầu ngoại quan Văn Phong (HDKT 84/HD-XL3)	4.443.153.177	8.443.153.177	
28	Kocks Crane GmbH:- Gia công và vận chuyển đến công trường cảng Phú Hữu ITC - 73006/007 ngày 09/02/2012	-	8.242.679.771	
29	Kocks Crane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp dầm của 2 Container cho Tân Cảng Offshore - Kocks Crane (HD 73008/09 date 21/01/13)	509.673.195	27.638.607.651	
30	Kocks Crane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơn phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73011-1 ngày 21/11/2013	4.168.756.203	-	
31	Kocks Crane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơn phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73013-01	4.283.716.725	-	
32	Kocks Crane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơn phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73012-01	13.567.155.818	-	
33	Kamadhenu Ventures Ltd:- Lắp đặt TBCK cho nhà nầu và nhà tinh chế - NM đường Cambodia (HD KVCL/LM18.HDKT-01 ngày 20/06/11)	18.010.454.445	-	
34	Kamadhenu Ventures Ltd:- CCVT, gia công lắp đặt kết cấu thép NM đường Cambodia (HD: KVCL/LM18.HDKT-02 ngày 01/08/2011)	3.172.623.491	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Phụ lục số 01: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng**

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014	
35	TCT LILAMA:- LD HT thái xi, KCT nhà Tuabin và khu vực phụ trợ NM điện Móng Dương 2 (HD 270312/LILAMA-LI.18)	9.268.576.457	-	
36	TCT LILAMA:- Lắp đặt ống nối, ống ngầm, bảo ôn và sơn ống DA Móng Dương 1 (HD 300113/HDKT)	17.569.024.669	-	
37	TCT LILAMA:- Thi công hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển DA Móng Dương 1 (180913/Lilama-LI.18)	5.891.427.156	-	
38	TCT LILAMA:- Chế tạo kết cấu & tổ hợp thiết bị máy đánh đồng & máy phá đồng Formosa Hà Tĩnh - 190313/Lilama	6.326.050.439	-	
39	TCT LILAMA:- Chế tạo JIGS phục vụ LD 16 bồn NM Lọc dầu Nghi Sơn - 060814/LILAMA-LI.18	7.759.438.720	-	
40	TCT LILAMA:- CC, CT LD KCT lò hơi, turbine & coal bunker quạt thông gió cấp 2 và quạt khói NM điện Vũng áng 1 (HD1683/LLM)	12.789.219.211	11.794.245.450	
41	TCT LILAMA:- CC, CT & lắp đặt 2 bồn nước RW5B và RW5C NM điện Vũng áng 1 (HD1682/LLM)	1.267.559.603	1.879.049.396	
42	TCT LILAMA:- Thông rửa hóa chất lò hơi, thiết bị dự án Nhà máy điện Vũng áng 1 (HD301211/LILAMA LILAMA18)	24.556.118.242	-	
43	TCT LILAMA:- Cung cấp bảo ôn phần còn lại dự án Nhà máy điện Vũng áng 1 (HD250512/LILAMA-LILAMA18)	2.218.345.942	2.218.345.942	
44	LD Việt-Nga Vietsovpetro:- Chế tạo trên bờ kết cấu chân đế Gầu Trắng - 0108/12/T-N3 ngày 03/04/2012	-	6.320.420.420	
45	LD Việt-Nga Vietsovpetro:- Chế tạo trên bờ kết cấu Topside chân đế Gầu Trắng - 0109/12/T-N3 ngày 03/04/2012	-	7.200.760.178	
46	LD Việt-Nga Vietsovpetro:- Chế tạo Skid H4 Hoàng Long-Hoàn Vũ - 052/13	-	1.733.050.000	
47	Các khách hàng khác	47.508.289.531	38.752.269.134	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>259.073.194.967</b>	<b>227.831.275.173</b>	

74



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**  
Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Phụ lục số 02: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng.

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư đầu kỳ	34.970.665.665	106.092.712.978	21.322.914.940	1.935.753.194	11.097.127.703	175.419.174.480
Số tăng trong kỳ	-	20.925.267.320	6.299.670.487	496.000.000	1.167.569.479	28.888.507.286
- Mua trong năm	-	5.938.450.000	-	496.000.000	1.167.569.479	7.602.019.479
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	14.986.817.320	6.299.670.487	-	-	21.286.487.807
Số giảm trong kỳ	-	409.291.563	-	-	-	409.291.563
- Thanh lý, nhượng bán	-	409.291.563	-	-	-	409.291.563
Số dư cuối kỳ	34.970.665.665	126.608.688.735	27.622.585.427	2.431.753.194	12.264.697.182	203.898.390.203
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	16.054.491.474	72.972.133.815	13.148.337.911	1.216.796.825	5.033.025.965	108.424.785.990
Số tăng trong kỳ	2.799.575.093	17.431.098.771	6.008.290.034	289.242.417	1.409.708.906	27.937.915.221
- Khấu hao trong kỳ	2.799.575.093	8.315.902.393	2.130.885.121	289.242.417	1.409.708.906	14.945.313.930
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính	-	9.115.196.378	3.877.404.913	-	-	12.992.601.291
Số giảm trong kỳ	-	409.291.563	-	-	-	409.291.563
- Thanh lý, nhượng bán	-	409.291.563	-	-	-	409.291.563
Số dư cuối kỳ	18.854.066.567	89.993.941.023	19.156.627.945	1.506.039.242	6.442.734.871	135.953.409.648
Giá trị còn lại	18.916.174.191	33.120.579.163	8.174.577.029	718.956.369	6.064.101.738	66.994.388.490
Tại ngày đầu kỳ	16.116.599.098	36.614.747.712	8.465.957.482	925.713.952	5.821.962.311	67.944.980.555
Tại ngày cuối kỳ						

Trong đó:  
- Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay:  
15.465.240.012 đồng  
53.463.744.651 đồng

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2014 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 03: Bảng tổng hợp người mua trả tiền trước

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014	
1	Cty CP chế tạo giàn khoan dầu khí:- Thi công các khối KC thuộc DA đóng mới giàn khoan tự nâng Tam Đảo 05 (CN.0114003-GK02	8.297.682.456	-	
2	Schade Lagertechnik:- Gia công thiết bị - PO: 950549, PO: 950555 Formosa Hà Tĩnh ngày 18/04/2013	-	41.184.000.000	
3	Schade Lagertechnik:- LD 2 máy cào bán khung & 2 xe chuyển liệu - Formosa Hà Tĩnh - PO: 927259 , PO: 927260	16.170.000.000	-	
4	Công ty TNHH DANIEL:- Gia công kết cấu thép - 13995027 OL	-	906.256.000	
5	Công ty TNHH DANIEL:- Gia công kết cấu thép - 13995030 OL	-	981.342.960	
6	Công ty TNHH DANIEL:- Gia công kết cấu thép - 14454043 & 14454044 OE	12.749.964.150	-	
7	Công ty TNHH DANIEL:- Gia công kết cấu thép - 14463021 OE	11.921.532.000	-	
8	Công ty TNHH DANIEL:- Gia công kết cấu thép - 14000769 OE	4.042.912.500	-	
9	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- GC chế tạo TB phi tiêu chuẩn và lắp đặt toàn bộ TB dây chuyền SX XM Đồng Lâm (01/2012)	-	12.883.034.725	
10	Công ty CP xi măng Đồng Lâm:- CCVT, lắp đặt KCT của một số hạng mục XM Đồng Lâm - 42/2013/HDLĐ	1.827.917.190	5.632.250.240	
11	Cty TNHH MTV Giấy Sài Gòn - Mỹ Xuân:- CCVT, LD thiết bị dây chuyền xeo Tissue (10-064)	2.317.201.630	-	
12	Công ty Loesche :- Gia công thiết bị, sơ, đóng kiện và giao hàng cho dự án Maros Clinker - P10829	-	7.268.870.675	
13	Cty TNHH Marubeni - Itochu steel Việt Nam:- Cung cấp vật tư - Mispv/HCM13031	-	1.737.001.835	
14	Cty TNHH phân bón QT năm sao Campuchia:- LD, chạy thử của 2 dây chuyền sản xuất phân bón NPK - 12.LM18.HDKT-90	2.212.930.435	2.212.930.435	
15	Redecam Group (Italia):- Gia công và giao hàng xuất khẩu - 20130327 ngày 29/03/2013	2.138.003.165	6.855.777.343	
16	Redecam Group (Italia):- Cung cấp lắp KCT lọc bụi - 20130901 ngày 26/09/2013	4.108.639.310	-	
17	Redecam Group (Italia):- Chế tạo KCT và giao hàng FOB- 20140217	4.766.530.860	-	
18	Redecam Group (Italia):- Chế tạo KCT và giao hàng FOB- 20141146	3.999.090.900	-	
19	Torishima (HongKong):- Hệ thống LOT4 MCW TPP/M- Dự án Vũng áng 1 (13/7/Torishima, ngày 17/12/09)	29.531.624.497	28.070.001.546	
20	Torishima (HongKong):- Phần PS Dự án Vũng áng 1 (PA 11238 ngày 03/11/2011)	-	5.697.844.312	
21	Torishima (HongKong):- Phần PS Dự án Vũng áng 1 (PA 12135/09-030)	-	6.176.121.008	

*Handwritten mark*

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Phụ lục số 03: Bảng tổng hợp người mua trả tiền trước**

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014	
22	Cty cổ phần Tân Thành Mỹ:- LD thiết bị dây chuyền SX Vôi 2 công suất 100.000Tấn/năm - 70/HD-TTM	3.970.670.739	1.662.682.400	
23	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp dầm của 2 Container cho Vostochny (HD 72015/16 date 22/03/13)	-	4.407.893.152	
24	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơm phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73010-01 ngày 01/11/2013	18.561.435.900	-	
25	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơm phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73014-01	5.578.892.130	-	
26	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơm phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73015-01	5.577.939.150	-	
27	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơm phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73018-01	5.472.758.760	-	
28	Kocks Krane GmbH:- CC, chế tạo tổ hợp sơm phủ lớp cuối cùng cho 1 cầu STS - 73016/17	10.945.517.520	-	
29	Kocks Krane GmbH:- GC KCT cho 2 máy trung chuyển cho Kocks (Công văn trúng thầu)	9.809.163.000	-	
30	Kamadhenu Ventures Ltd:- Lắp đặt TBCK cho nhà nấu và nhà tinh chế - NM đường Cambodia (HD KVCL/LM18.HDKT-01 ngày 20/06/11)	-	10.259.702.427	
31	Kamadhenu Ventures Ltd:- CCVT, gia công lắp đặt kết cấu thép NM đường Cambodia (HD: KVCL/LM18.HDKT-02 ngày 01/08/2011)	-	12.380.763.046	
32	Kamadhenu Ventures Ltd:- CCVT, gia công lắp đặt kết cấu thép NM đường Cambodia (HD: KVCL/LM18.HDKT-03 ngày 10/09/2011)	-	4.861.006.305	
33	FLSMIDTH Wadgassen GmbH Karl-Koch-Strasse: Phát sinh nhà máy điện Vũng Áng 1	1.591.188.806	1.591.188.806	
34	Cty TNHH Hamworthy Combustion:- GC, VC và giao hàng ống khói đầu đốt NM Lọc dầu Nghi Sơn - 14322-1706-03-R0	8.254.449.000	-	
35	TCT LILAMA:- CF đèn bù, chuyển nhượng mặt bằng nhà Xưởng GC-CK Thủ Đức	4.000.000.000	4.000.000.000	
36	TCT LILAMA:- LD HT thái xỉ, KCT nhà Tuabin và khu vực phụ trợ NM điện Mông Dương 2 (HD 270312/LILAMA-LL18)	-	2.848.689.238	
37	TCT LILAMA:- Lắp đặt ống nối, ống ngầm, bảo ôn và sơm ống DA Mông Dương 1 (HD 300113/HDKT)	-	12.227.801.220	
38	TCT LILAMA:- Thi công hệ thống thiết bị đo lường, điều khiển DA Mông Dương 1 (180913/Lilama-LI.18)	-	3.079.000.000	
39	TCT LILAMA:- Lắp đặt lò hơi và thiết bị phụ trợ cho tổ máy 1 NM nhiệt điện Thái Bình 2 - 160914/LILAMA-LILAMA18	3.091.189.417	-	

Đơn vị tính: đồng

Handwritten signature/initials

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**  
Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Phụ lục số 03: Bảng tổng hợp người mua trả tiền trước

TT	Tên khách hàng	Số tiền		Đơn vị tính: đồng	Ghi chú
		31/12/2014	01/01/2014		
40	TCT LILAMA:- Chế tạo kết cấu & tổ hợp thiết bị máy đánh đồng & máy pha đồng Formosa Hà Tĩnh - 190313/Lilama	-	18.497.000.000		
41	TCT LILAMA:- LD, chạy thử 14 máy đánh đồng, pha đồng cho HT nguyên liệu thô Formosa Hà Tĩnh - 061213/LILAMA-LI18	3.121.000.000	-		
42	TCT LILAMA:- Lắp đặt hệ thống ống ngầm khu vực Zone 1 & Zone 2 NM Lọc dầu Nghi Sơn - 250614/LILAMA-LI.18	3.997.636.495	-		
43	TCT LILAMA:- Lắp đặt KCT & thiết bị gói IA NM Lọc dầu Nghi Sơn - 031114.01/LILAMA-LI.18	17.502.633.265	-		
44	TCT LILAMA:- LD làm sạch & sơn bồn chứa dầu 151-TK-007& 008 NM Lọc dầu Nghi Sơn - 031114.03/LILAMA-LI.18	28.732.103.974	-		
45	TCT LILAMA:- Bốc xếp, đóng gói, bảo quản hàng hóa tại P.Rừng NM Lọc dầu Nghi Sơn - 031114.04/LILAMA-LI.18	2.280.000.000	-		
46	TCT LILAMA:- Thông rửa hóa chất lò hơi, thiết bị dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1 (HD:301211/LILAMA LILAMA18)	-	8.673.740.940		
47	TCT LILAMA:- Lắp đặt thiết bị cơ + điện dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1 (HD: 240512/Lilama-Lilama)	-	5.475.352.000		
48	TCT LILAMA:- CCVT, NC sửa chữa thiết bị Nhà máy điện Vũng Áng 1 (HD: 031012/LLM, 110912/LLM18)	1.905.550.297	1.905.550.297		
49	240512/BDA)	2.601.157.683	2.601.157.683		
50	RAPAT CORPORATION:- Gia công thiết bị silo NM bột mỳ Interflour (ngày 9/11/2007)	-	21.596.581.000		
51	LD Việt-Nga Vietsovpetro:- Chế tạo chân đế giàn BK16 - 1031/15/T-N3	24.872.988.638	-		
51	LD Việt-Nga Vietsovpetro:- Thi công, chế tạo khối thượng tầng Flare boom BK Thiên Ưng - 0981/14/T-N3	31.750.502.446	13.777.887.045		
52	Các khách hàng khác	297.700.806.313	249.451.426.638		
	<b>Tổng cộng</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 18**

Địa chỉ: Số 9-19, Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.500.000.000	8.076.755.000	3.616.983.986	-	21.046.716.154	3.616.983.986	41.245.576.157	158.103.015.283
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Lãi trong năm trước</i>	-	-	-	-	-	-	41.107.790.575	41.107.790.575
- <i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	1.935.865.639	-	11.615.193.832	3.871.731.277	-	17.422.790.748
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	-	-	-	-	33.369.522.026	33.369.522.026
Số dư cuối năm trước	80.500.000.000	8.076.755.000	5.552.849.625	-	32.661.909.986	7.488.715.263	48.983.844.706	183.264.074.580
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Lãi trong năm nay</i>	-	-	-	-	-	-	48.746.074.714	48.746.074.714
- <i>Phân phối lợi nhuận</i>	-	-	2.449.192.235	-	14.695.153.412	4.898.384.471	-	22.042.730.118
- <i>Tặng khác</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
- <i>Phân phối lợi nhuận</i> <sup>(1)</sup>	-	-	-	-	-	-	41.465.306.824	41.465.306.824
- <i>Giảm khác</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	80.500.000.000	8.076.755.000	8.002.041.860	-	47.357.063.398	12.387.099.734	56.264.612.596	212.587.572.588

Đơn vị tính: đồng

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 14.695.153.412 đồng
- Trích quỹ dự phòng tài chính 4.898.384.471 đồng
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 2.449.192.235 đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 7.347.576.706 đồng
- Chia cổ tức 12.075.000.000 đồng

**Cộng**

**41.465.306.824**